



# SRS - Tài liệu môn công nghệ phần mềm 0123123123

Công nghệ Web (Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng)



Scan to open on Studeersnel

---

# **TÀI LIỆU ĐẶC TẢ YÊU CẦU PHẦN MỀM**

## **(Software Requirement Specification – SRS)**

### **Xây dựng website quản lý đặt phòng khách sạn**

**Hướng dẫn bởi: TS. Võ Đức Hoàng**

**Được soạn bởi: Bùi Thiện Nhân**

**Mai Văn Phấn**

**Đỗ Thiện Hòa**

**Trần Văn Thịnh**

**Đà Nẵng, tháng 5, năm 2022**

# Mục lục

## Contents

Mục lục.....	.....
Danh mục hình ảnh, bảng biểu.....	.....
1 Giới thiệu.....	.....
1.1 Mục đích.....	.....
1.2 Phạm vi.....	.....
1.3 Từ điển thuật ngữ.....	.....
1.4 Tài liệu tham khảo.....	.....
1.5 Tổng quát.....	.....
2 Các yêu cầu chức năng.....	.....
2.1 Các tác nhân.....	.....
2.2 Các chức năng của hệ thống.....	.....
2.3 Biểu đồ use case tổng quan.....	.....
2.4 Biểu đồ use case phân rã.....	.....
2.4.1 Phân rã use case “Quản trị viên”.....	.....
2.4.2 Phân rã use case “Nhân viên”.....	.....
2.4.3 Phân rã use case “Khách hàng”.....	.....
2.5 Quy trình nghiệp vụ.....	.....
2.5.1 Quy trình sử dụng phần mềm.....	.....
2.5.2 Quy trình quản lý nhân viên.....	.....
2.5.3 Quy trình quản lý phòng.....	.....
2.5.4 Quy trình sử dụng của khách hàng.....	.....
2.6 Đặc tả các usecase.....	.....
2.6.1 Đăng nhập.....	.....
2.6.2 Thay đổi mật khẩu.....	.....
2.6.3 Đăng ký.....	.....
2.6.4 Cập nhật thông tin cá nhân.....	.....

- 2.6.5 Tìm kiếm khách hàng, nhân viên.....
- 2.6.6 Quản lý nhân viên.....
- 2.6.7 Quản lý phòng.....
- 2.6.8 Quản lý khách hàng.....
- 2.6.9 Quản lý phòng.....
- 2.6.10 Quản lý dịch vụ.....
- 2.6.11 Xem lịch sử phòng và thông tin khách hàng ở phòng.....
- 2.6.12 Quản lý loại phòng.....
- 2.6.13 Sử dụng chức năng hệ thống của khách hàng.....
- 3 Các yêu cầu phi chức năng.....
  - 3.1 Giao diện người dùng.....
  - 3.2 Tính bảo mật.....
  - 3.3 Ràng buộc.....
- 4 Mô tả chức năng.....
  - 4.1. Admin.....
    - 4.1.1. Quản lý thông tin cá nhân.....**
    - 4.1.2. Quản lý khách hàng.....**
    - 4.1.3. Quản lý đơn đặt phòng.....**
    - 4.1.4. Quản lý hoá đơn.....**
    - 4.1.5. Quản lý dịch vụ.....**
    - 4.1.6. Quản lý tài khoản nhân viên.....**
    - 4.1.7. Quản lý doanh thu.....**
  - 4.2. Nhân viên.....
    - 4.2.1. Quản lý khách hàng.....**
    - 4.2.2. Quản lý đơn đặt phòng.....**
    - 4.2.3. Quản lý dịch vụ.....**
    - 4.2.4. Quản lý hoá đơn.....**
  - 4.3. Khách hàng.....

4.3.1. Quản lý tài khoản.....	
4.3.1.1 Đăng nhập.....	
4.3.1.2. Đăng kí.....	
4.3.1.3. Đặt Phòng.....	

### **Danh mục hình ảnh, bảng biểu**

Hình 2-1: Biểu đồ use case tổng quan .....	8
Hình 2-2: Biểu đồ use case Quản trị viên .....	9
Hình 2-3: Biểu đồ use case Nhân viên .....	10
Hình 2-4: Biểu đồ use case Khách Hàng .....	11

# 1 Giới thiệu

## 1.1 Mục đích

Mục đích của tài liệu đặc tả yêu cầu phần mềm này là cung cấp một cái nhìn tổng quan, dễ hiểu về các yêu cầu, thành phần của dự án.

Tài liệu này được cung cấp như một tài liệu tham khảo cho sinh viên trực tiếp tham gia phát triển dự án phục vụ cho việc hoàn thành đồ án tốt nghiệp. Ngoài ra trong môi trường thực tế bên ngoài tài liệu này còn phục vụ cho những nhà phát triển phần mềm, kiểm thử viên, nhà quản lý dự án cũng như các bên liên quan.

## 1.2 Phạm vi

Tài liệu đặc tả yêu cầu phần mềm này được xây dựng nhằm phục vụ cho dự án Xây dựng website quản lý đặt phòng khách sạn.

Cung cấp một trang web cung cấp thông tin về các phòng hiện có của khách sạn, công cụ giúp khách sạn quản lý dễ dàng hơn, hiệu quả hơn, tiết kiệm chi phí.

## 1.3 Từ điển thuật ngữ

Software Requirements Specifications SRS	Đặc tả yêu cầu phần mềm
Use Case(s)	Là một tài liệu mô tả từ đầu đến cuối hành vi của hệ thống từ góc nhìn của người sử dụng. Use case mô tả sự tương tác đặc trưng giữa người dùng bên người và hệ thống
Web server	Phần mềm máy chủ cung cấp các chức năng, tài nguyên cho máy khách
JavaScript	Ngôn ngữ lập trình sử dụng trên các trình duyệt web
Hypertext Markup Language (HTML)	Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản
Admin	Người quản lý

## Bảng 1-1: Từ điển thuật ngữ

### 1.4 Tài liệu tham khảo

- 📖 Biểu đồ UML: <https://blog.haposoft.com/bieudo-uml-use-case/>
- 📖 <https://howkteam.vn/course/lap-trinh-website-voi-aspnet-mvc-co-ban-15>.
- 📖 <https://xuanthulab.net/lap-trinh-c-co-ban/>
- 📖 Giáo trình lập trình hướng đối tượng Lê Thị Mỹ Hạnh.

### 1.5 Tổng quát

Tài liệu này được viết dựa theo chuẩn của Tài liệu đặc tả yêu cầu phần mềm (Software Requirements Specifications - SRS) được giải thích trong "IEEE Recommended Practice for Software Requirements Specifications" và "IEEE Guide for Developing System Requirements Specifications".

Với cấu trúc được chia làm ba phần:

1. Phần 1: Cung cấp cái nhìn tổng quan về các thành phần của SRS.
2. Phần 2: Mô tả tổng quan các nhân tố, ràng buộc, đặc điểm người dùng, môi trường thực thi tác động lên hệ thống và các yêu cầu của nó. Cung cấp thông tin chi tiết các yêu cầu chức năng, cung cấp cho các nhà phát triển phần mềm thông tin để phát triển phần mềm đáp ứng được các yêu cầu đó.
3. Phần 3: Các yêu cầu phi chức năng.

## 2 Các yêu cầu chức năng

### 2.1 Các tác nhân

Hệ thống gồm có các tác nhân là Khách, Nhân viên lễ tân, Quản trị viên. Khách có vai trò là người dùng truy cập vào trang web để đặt phòng. Nhân viên lễ tân đăng nhập vào hệ thống. Quản trị viên có vai trò quản trị hoạt động của hệ thống.

### 2.2 Các chức năng của hệ thống

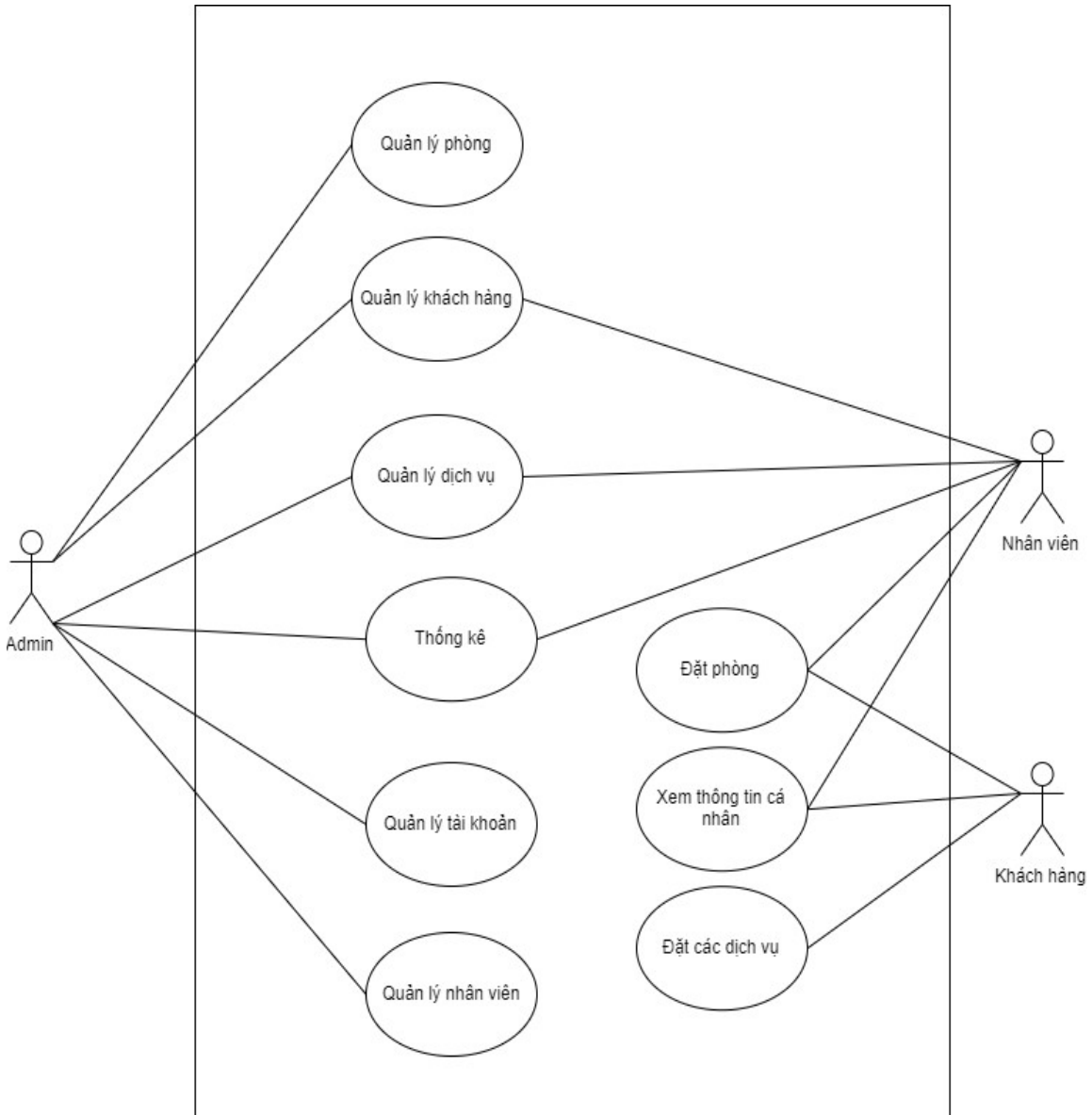
1. Đăng nhập: Chức năng này nhằm mục đích xác thực người dùng khi tương tác với hệ thống nhằm cung cấp quyền cũng như phạm vi truy cập hệ thống.
2. Đăng ký: Để truy cập sử dụng hệ thống thì Người dùng trước hết cần đăng ký tài khoản.

3. Quản trị người dùng: Quản trị viên có vai trò quản trị những người dùng trong hệ thống.

Để có thể hình dung rõ hơn về các tác nhân cũng như yêu cầu chức năng của hệ thống bằng cách mô hình hóa chúng dưới các sơ đồ use cases, các sơ đồ sẽ được trình bày phía sau.

### **2.3 Biểu đồ use case tổng quan**

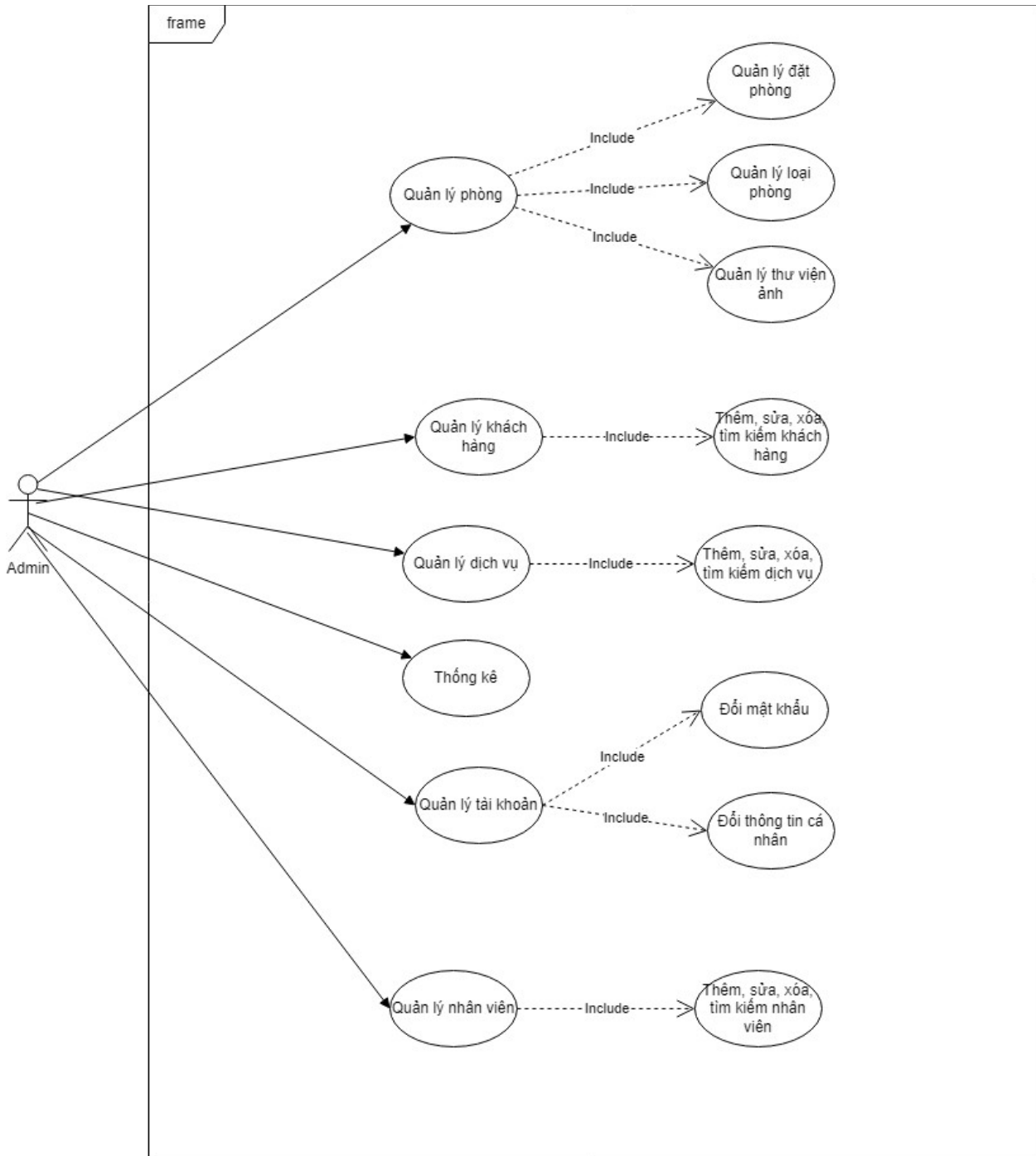
**Hình 2-1: Biểu đồ use case tổng quan**



**Hình 2-1: Biểu đồ use-case tổng quan**

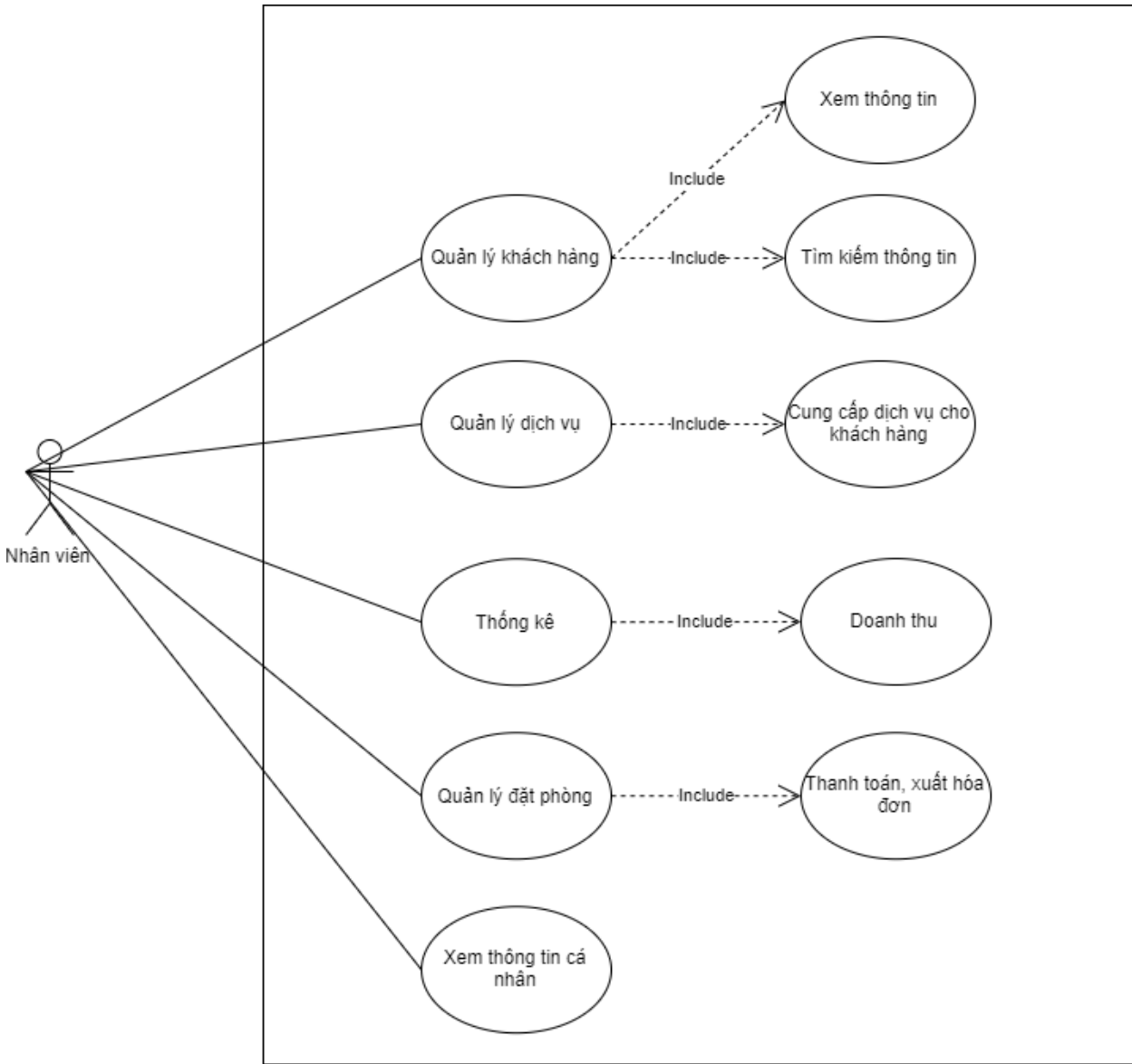
## 2.4 Biểu đồ use case phân rã

### 2.4.1 Phân rã use case “Quản trị viên”



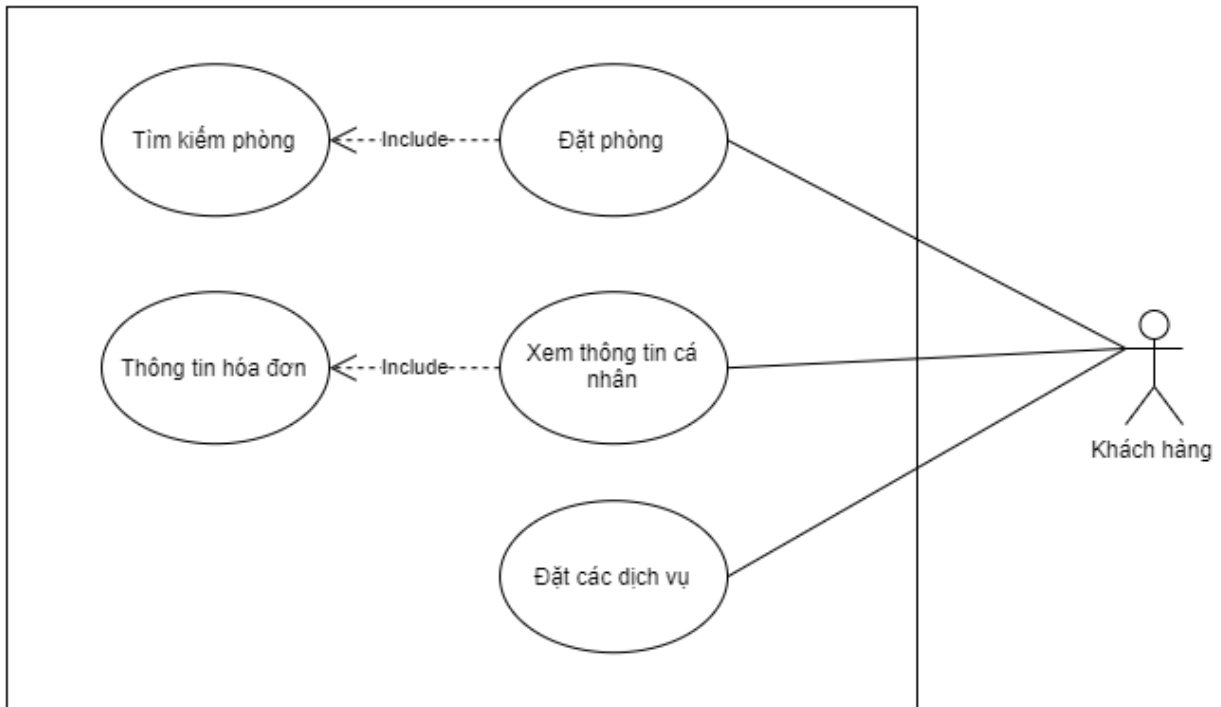
Hình 2-2: Biểu đồ use case Quản trị viên

### 2.4.2 Phân rã use case “Nhân viên”



**Hình 2-3: Biểu đồ use case Nhân viên**

### 2.4.3 Phân rã use case “Khách hàng”



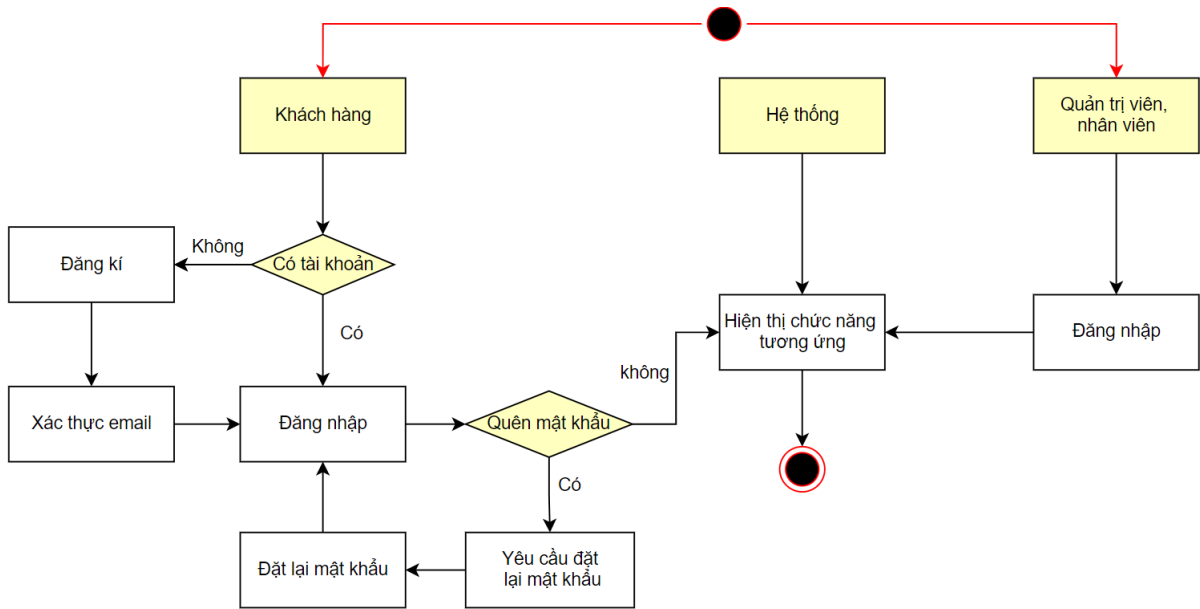
Hình 2-4: Biểu đồ use case Khách hàng

## 2.5 Quy trình nghiệp vụ

### 2.5.1 Quy trình sử dụng phần mềm

Khách có thể đăng ký để tạo ra tài khoản cho mình. Sau đó có thể đăng nhập để sử dụng các chức năng của phần mềm. Nếu khách quên mật khẩu, khách có thể yêu cầu hệ thống cho phép mình thiết lập lại mật khẩu. Lúc này, hệ thống sẽ gửi liên kết qua email đã đăng ký và có thể vào liên kết đó để thực hiện việc thiết lập lại mật khẩu.

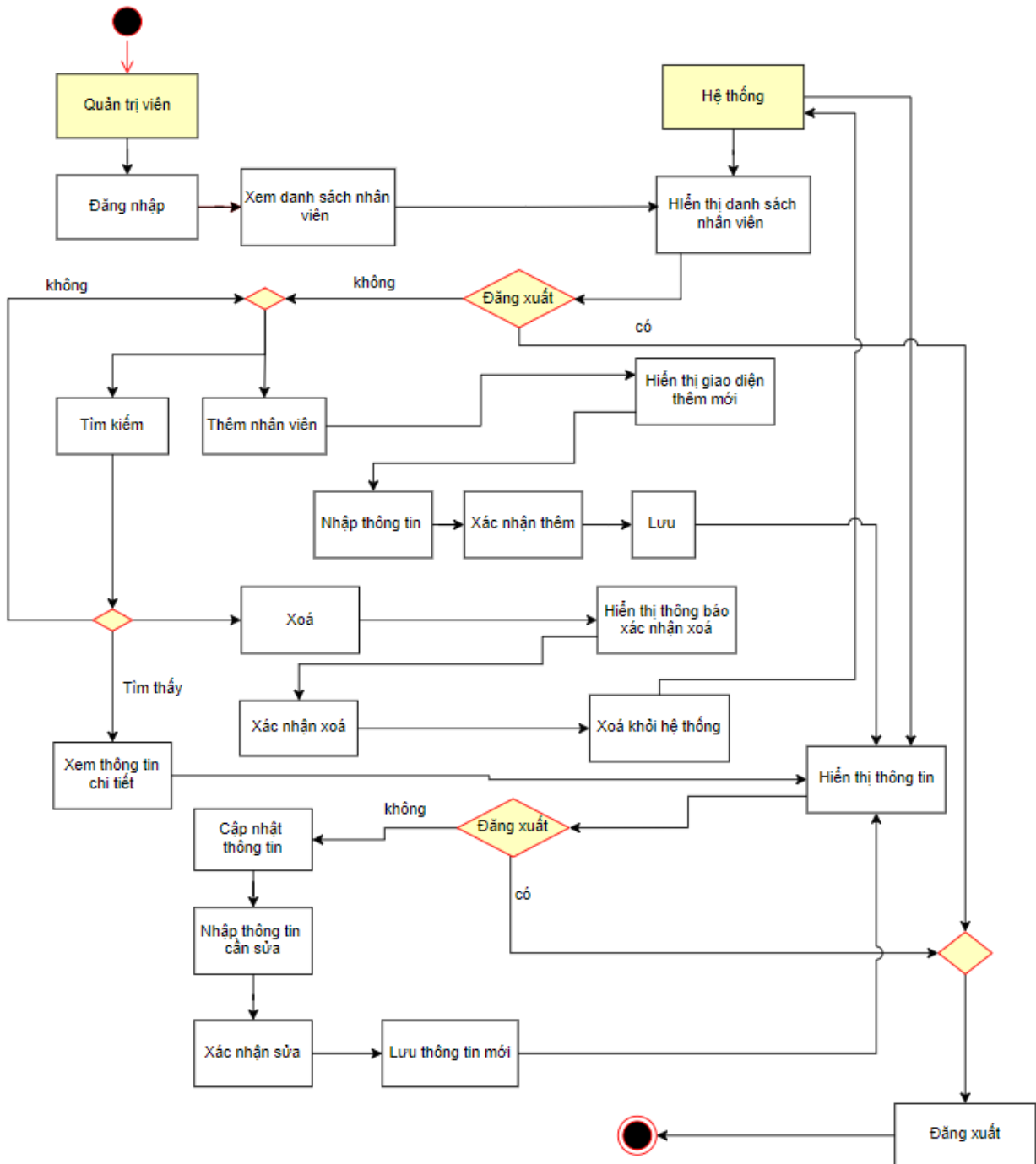
Sau khi đăng nhập thành công vào hệ thống, người dùng có thể sử dụng các chức năng như Xem và cập nhật thông tin cá nhân của mình, Thay đổi mật khẩu, và các chức năng trong phạm vi của mình mà hệ thống đã cấp phát.



**Hình 2-4: Biểu đồ hoạt động sử dụng phần mềm**

### 2.5.2 Quy trình quản lý nhân viên

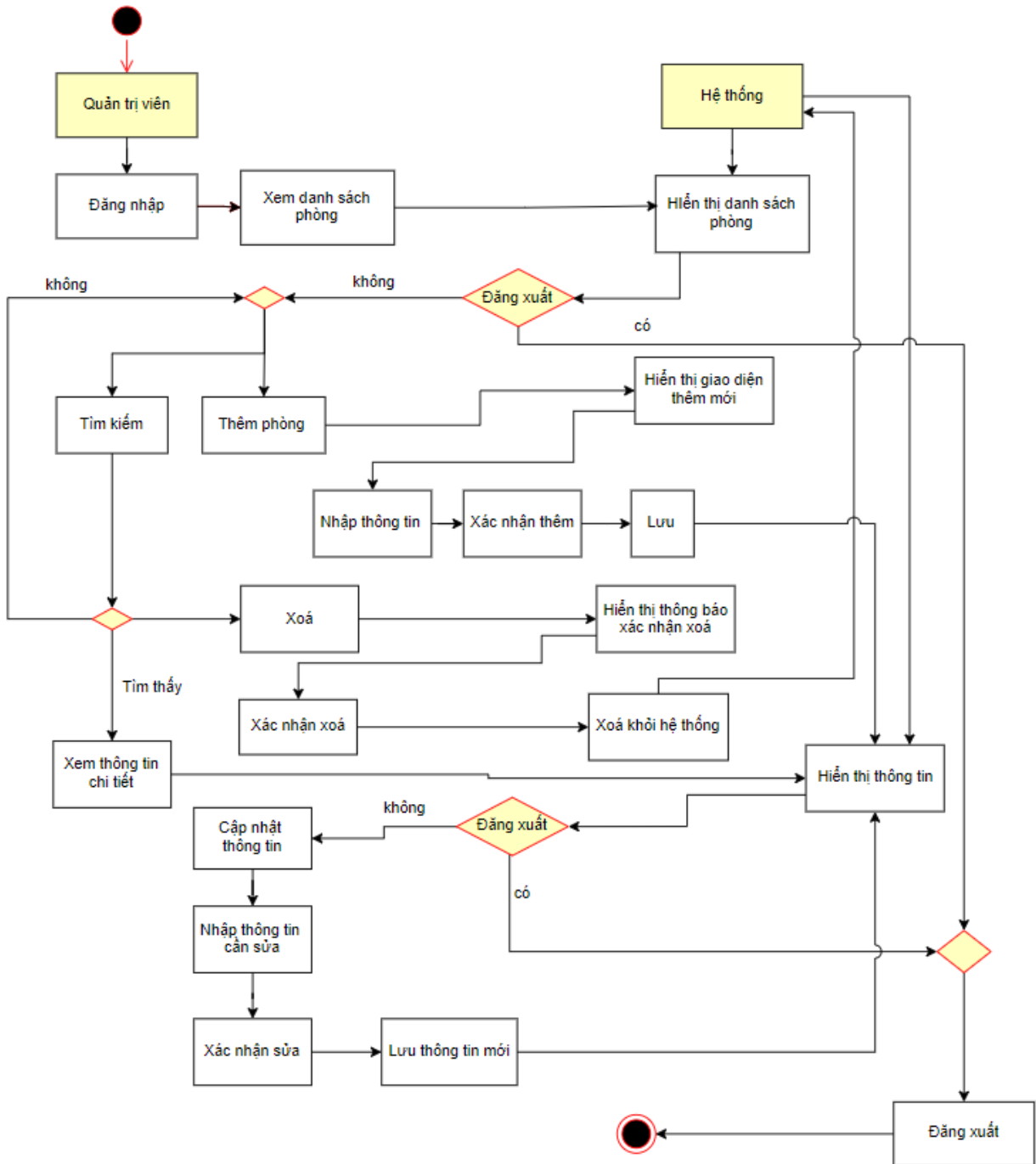
Quản trị viên có thể quản lý nhân viên theo các bước: Quản trị viên tìm kiếm nhân viên, cung cấp thông tin tìm kiếm và xem thông tin nhân viên đó. Quản trị viên có thể thêm mới nhân viên.



**Hình 2-5: Biểu đồ hoạt động quản lý giảng viên**

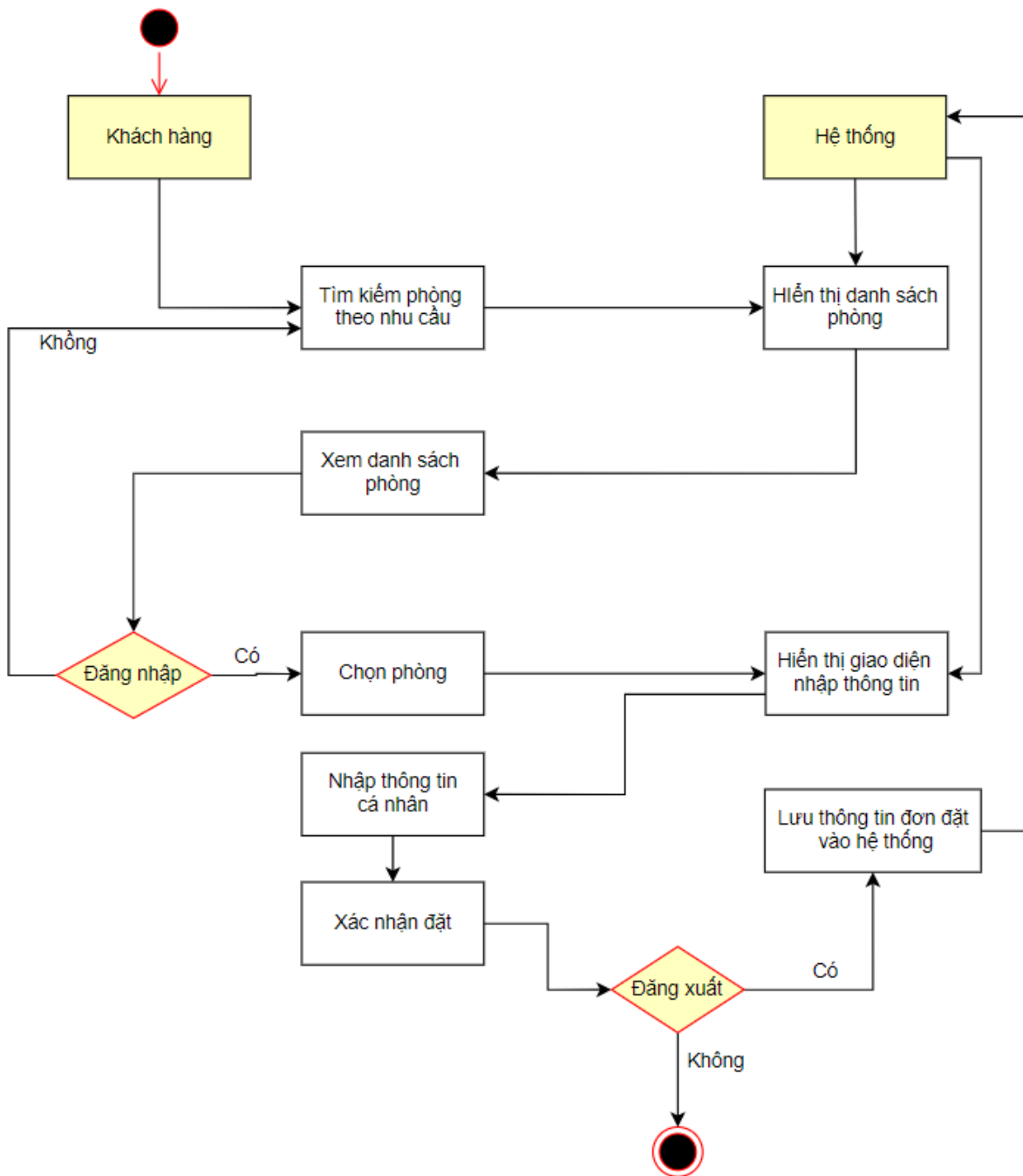
### 2.5.3 Quy trình quản lý phòng

Quản trị viên trước tiên cần đăng nhập hệ thống. Sau đó thực hiện các chức năng quản lý phòng.



**Hình 2-6: Biểu đồ hoạt động quản lý phòng**

## 2.5.4 Quy trình sử dụng của khách hàng



Hình 2-11: Biểu đồ quy trình sử dụng của khách hàng

## 2.6 Đặc tả các usecase

### 2.6.1 Đăng nhập

Mã Use case	UC001	Tên Use case	Đăng nhập
-------------	-------	--------------	-----------

<b>Tác nhân</b>	Khách		
<b>Mô tả</b>	Tác nhân đăng nhập vào hệ thống để sử dụng các chức năng hệ thống		
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Click vào nút đăng nhập trên giao diện website		
<b>Tiền điều kiện</b>	Tác nhân đã có tài khoản trên hệ thống		
<b>Luồng sự kiện chính (Thành công)</b>	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	1.	Khách	Chọn chức năng Đăng nhập
	2.	Hệ thống	Hiển thị giao diện đăng nhập
	3.	Khách	Nhập email và mật khẩu (mô tả phía dưới *)
	4.	Khách	Yêu cầu đăng nhập
	5.	Hệ thống	Kiểm tra xem khách đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa
	6.	Hệ thống	Kiểm tra email và mật khẩu có hợp lệ do khách nhập trong hệ thống hay không
	7.	Hệ thống	Hiển thị chức năng tương ứng đối với Người dùng
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	6a.	Hệ thống	Thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu
	7a.	Hệ thống	Thông báo lỗi: email và/hoặc mật khẩu chưa đúng nếu không tìm thấy email và mật khẩu trong hệ thống
<b>Hậu điều kiện</b>	Tác nhân đăng nhập được vào hệ thống		

**Bảng 2-1: Đặc tả chức năng “Đăng nhập”**

\* Dữ liệu đầu vào gồm các trường dữ liệu sau:

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Email	Input email field	Có	Đúng định dạng email	123@gmail.com
2.	Mật khẩu	Password field	Có	Tối thiểu 6 kí tự	Password

**Bảng 2-2: Dữ liệu chức năng “Đăng nhập”**

### 2.6.2 Thay đổi mật khẩu

<b>Mã Use case</b>	UC002	<b>Tên Use case</b>	Thay đổi mật khẩu
<b>Tác nhân</b>	Quản trị viên, nhân viên, khách hàng.		
<b>Mô tả</b>	Tác nhân muốn thay đổi mật khẩu để bảo vệ tài khoản		
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Click vào dropdown Profile item, đối với QTV và NV, dropdown liên kết “Change Password” đối với Khách hàng.		

<b>Tiền điều kiện</b>	Tác nhân đăng nhập thành công vào hệ thống		
<b>Luồng sự kiện chính</b> (Thành công)	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	1.	Người dùng	Chọn chức năng Thay đổi mật khẩu
	2.	Hệ thống	Hiển thị giao diện chức năng thay đổi mật khẩu
	3.	Người dùng	Điền thông tin mật khẩu cũ để xác minh, mật khẩu mới để thay đổi và xác minh lại mật khẩu mới trùng khớp với mật khẩu cần thay đổi
	4.	Người dùng	Yêu cầu thay đổi mật khẩu
5.	Hệ thống	Kiểm tra mật khẩu cũ, mật khẩu mới và xác nhận mật khẩu mới có trùng khớp và tiến hành thay đổi mật khẩu	
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	5a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu thông tin mật khẩu đối tượng cung cấp không đúng hoặc không trùng khớp
<b>Hậu điều kiện</b>	Cập nhật mật khẩu mới vào hệ thống		

**Bảng 2-3: Đặc tả chức năng “Thay đổi mật khẩu”**

### 2.6.3 Đăng ký

<b>Mã Use case</b>	UC004	<b>Tên Use case</b>	Đăng ký
<b>Tác nhân</b>	Khách		
<b>Mô tả</b>	Tác nhân đăng ký tài khoản để sử dụng chức năng của hệ thống		
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Click vào nút đăng ký trên thanh tiêu đề		
<b>Tiền điều kiện</b>	Không		
<b>Luồng sự kiện chính</b> (Thành công)	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	1.	Khách	Chọn chức năng Đăng ký
	2.	Hệ thống	Hiển thị giao diện đăng ký
	3.	Khách	Nhập các thông tin tài khoản (mô tả phía dưới *)
	4.	Khách	Yêu cầu đăng ký

	5.	Hệ thống	Kiểm tra xem khách đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa
	6.	Hệ thống	Kiểm tra địa chỉ email của khách có hợp lệ không
	7.	Hệ thống	Kiểm tra mật khẩu nhập lại và mật khẩu có trùng nhau hay không
	8.	Hệ thống	Kiểm tra mật khẩu có đủ mức độ an toàn hay không
	9.	Hệ thống	Lưu thông tin tài khoản và thông báo đăng ký thành công
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	6a.	Hệ thống	Thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu
	7a.	Hệ thống	Thông báo lỗi: Địa chỉ email không hợp lệ nếu địa chỉ email không hợp lệ
	8a.	Hệ thống	Thông báo lỗi: Mật khẩu xác nhận không trùng với Mật khẩu nếu hai mật khẩu không trùng nhau
	9a.	Hệ thống	Thông báo lỗi: Mật khẩu cần đảm bảo độ an toàn nếu mật khẩu không đảm bảo độ an toàn được quy định bởi hệ thống (có ít nhất 6 ký tự)
<b>Hậu điều kiện</b>	Tài khoản được tạo và lưu trữ vào hệ thống		

**Bảng 2-5: Đặc tả chức năng “Đăng ký”**

\* Dữ liệu đầu vào của chức năng Đăng ký gồm các trường dữ liệu sau:

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Email	Input email field	Có	Địa chỉ email hợp lệ	qndev@gmail.com
2.	Mật khẩu	Pasword field	Có	Ít nhất 6 ký tự	123456
3.	Xác nhận mật khẩu	Pasword field	Có	Trùng với Mật khẩu	123456

**Bảng 2-6: Dữ liệu chức năng “Đăng ký”**

#### 2.6.4 Cập nhật thông tin cá nhân

<b>Mã Use case</b>	UC005	<b>Tên Use case</b>	Cập nhật thông tin cá nhân
<b>Tác nhân</b>	Khách, Quản trị viên		
<b>Mô tả</b>	Tác nhân cập nhật thông tin cá nhân		
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Click vào dropdown Profile item đối với Khách và QTV, “My Profile” với Học viên trên phần		

	đầu trang (header)		
<b>Tiền điều kiện</b>	Tác nhân đăng nhập thành công		
<b>Luồng sự kiện chính</b> <b>(Thành công)</b>	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	1.	Người dùng	Chọn chức năng Cập nhật thông tin cá nhân
	2.	Hệ thống	Hiển thị giao diện cập nhật thông tin cá nhân
	3.	Người dùng	Điền thông tin cần cập nhật (mô tả phía dưới *)
	4.	Người dùng	Yêu cầu cập nhật
	5.	Hệ thống	Kiểm tra thông tin nhập liệu của người dùng
	6.	Hệ thống	Cập nhật và thông báo thành công
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	5a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu kiểm tra thông tin nhập liệu không đúng định dạng
	6a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu hệ thống không thể cập nhật thông tin
<b>Hậu điều kiện</b>	Cập nhật thành công, thông tin mới sẽ được lưu trữ vào hệ thống		

**Bảng 2-7: Đặc tả chức năng “Cập nhật thông tin cá nhân”**

\* Dữ liệu đầu vào chức năng Cập nhật thông tin cá nhân:

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Họ tên	Input text field	Không	Không quá 255 kí tự	Mai Văn Phở
2.	Email	Input email field	Có	Đúng định dạng email	mvp123@gmail.com
3.	Ngày sinh	DatePicker	Không	Ngày tháng hợp lệ	04/15/1996
4.	Điện thoại	Input text field	Không	Kí tự số	0989123456
5.	Giới tính	Male, Female, Other	Không	Chọn Male, Female, Other	Male

**Bảng 2-8: Dữ liệu chức năng “Cập nhật thông tin cá nhân”**

### 2.6.5 Tìm kiếm khách hàng, nhân viên

<b>Mã Use case</b>	UC006	<b>Tên Use case</b>	Tìm kiếm Giảng viên, Học viên
<b>Tác nhân</b>	Quản trị viên, (QTV) , Nhân viên(NV)		
<b>Mô tả</b>	Tìm kiếm tài khoản có trên hệ thống		
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Click search box hoặc dropbox với các thông tin tìm kiếm		

<b>Tiền điều kiện</b>	Đăng nhập thành công vào hệ thống		
<b>Luồng sự kiện chính</b> (Thành công)	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	1.	QTV, NV	Chọn chức năng Tìm kiếm
	2.	Hệ thống	Hiển thị giao diện chức năng tìm kiếm
	3.	QTV, NV	Nhập tên, email, số điện thoại người muốn tìm kiếm (mô tả phía dưới *)
	4.	QTV, NV	Yêu cầu tìm kiếm
	5.	Hệ thống	Tìm và lấy về thông tin những người dùng thoả mãn các tiêu chí tìm kiếm
6.	Hệ thống	Hiển thị danh sách những người dùng thoả mãn điều kiện tìm kiếm nếu có ít nhất một người dùng được tìm thấy	
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	6a.	Hệ thống	Thông báo: Không tìm thấy thông tin người dùng nào thoả mãn tiêu chí tìm kiếm nếu trả về danh sách rỗng
<b>Hậu điều kiện</b>	Hiển thị những tài khoản tương ứng với thông tin cần tìm kiếm		

**Bảng 2-9: Đặc tả chức năng “Tìm kiếm khách hàng, nhân viên”**

\* Dữ liệu đầu vào khi tìm kiếm:

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Tên	Input text field	Không	Chuỗi kí tự	Nguyễn Văn A
2.	Email	Input text field	Không	Định dạng email	testmail@gmail.com
3.	Điện thoại	Input text field	Không	Kí tự số	0989123456

**Bảng 2-10: Dữ liệu đầu vào chức năng Tìm kiếm**

### 2.6.6 Quản lý nhân viên

<b>Mã Use case</b>	UC008	<b>Tên Use case</b>	Quản lý nhân viên
<b>Tác nhân</b>	Quản trị viên (QTV)		
<b>Mô tả</b>	Thực hiện các tác vụ như thêm, sửa, xóa, tìm kiếm, phân quyền tài khoản nhân viên		
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Click nút “Create”, “Delete”, “Edit”, “Search”, “Role”, “List” tương ứng với các sự kiện thêm mới, xóa, sửa, phân quyền, xem danh sách nhân viên		
<b>Tiền điều kiện</b>	Đăng nhập thành công		
<b>Tìm kiếm (S - Search): UC006</b>			
<b>Xem (R- Read):</b>			

Luồng sự kiện chính	STT	Thực hiện bởi	Hành động
	1	QTV	Yêu cầu xem danh sách nhân viên
	2	Hệ thống	Hiển thị danh sách nhân viên
	3	QTV	Yêu cầu xem chi tiết thông tin nhân viên
	4	Hệ thống	Hiển thị chi tiết thông tin nhân viên
Luồng sự kiện thay thế	2a	Hệ thống	Thông báo nếu không có nhân viên.

**Sửa (U - Update):**

Luồng sự kiện chính	STT	Thực hiện bởi	Hành động
	1.	Quản trị viên	Chọn xem chi tiết giảng viên và yêu cầu sửa
	2.	Hệ thống	Lấy thông tin chi tiết giảng viên và hiển thị thông tin lên giao diện của chức năng sửa
	3.	Quản trị viên	Chỉnh sửa các thông tin giảng viên (mô tả phía dưới **) và yêu cầu sửa
	4.	Hệ thống	Kiểm tra các trường nhập liệu
Luồng sự kiện thay thế	4a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu các trường nhập liệu không đúng định dạng
	5a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu cập nhật không thành công

**Xoá(D-Delete)**

Luồng sự kiện chính	STT	Thực hiện bởi	Hành động
	1	QTV	Chọn nhân viên cần xoá
	2	Hệ thống	Hiển thị thông báo yêu cầu quản trị viên xác nhận việc xoá
Luồng sự kiện thay thế	2a	Hệ thống	Thông báo nếu không có nhân viên.

**Thêm(C-Create)**

Luồng sự kiện chính	STT	Thực hiện bởi	Hành động
	1.	Quản trị viên	Yêu cầu chức năng thêm mới nhân viên
	2.	Hệ thống	Hiển thị chức năng thêm mới nhân viên
	3.	Quản trị viên	Nhập các thông tin nhân viên (mô tả phía dưới **) và yêu cầu thêm mới
	4.	Hệ thống	Kiểm tra các trường nhập liệu

	5.	Hệ thống	Thêm mới thông tin nhân viên
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	4a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu dữ liệu nhập vào không đúng định dạng
	5a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu thêm mới không thành công
<b>Hậu điều kiện</b>	Hiển thị danh sách tương ứng với thông tin cần tìm kiếm; Cập nhật thành công, thông tin mới sẽ được lưu trữ vào hệ thống; Xóa thành công nhân viên; Nhân viên khi tạo mới được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của hệ thống		

**Bảng 2-16: Đặc tả chức năng “Quản lý nhân viên”**

\*\* Dữ liệu đầu vào khi thêm/sửa:

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Tên	Text field	Có	Tối đa 255 kí tự	
2.	Email	Email nhân viên: input email field	Có	Định dạng email	teacher@gmail.com
3.	Quyền	Nhân viên	Có	Số nguyên	1: Admin 2: Nhân viên
4.	Điện thoại		Không	Kí tự số	0989123456
5.	Giới tính	Lựa chọn Male, Female hoặc Other	Không		Female
6.	Mật khẩu		Có	Độ dài tối thiểu 6 kí tự	123456

**Bảng 2-17: Dữ liệu đầu vào chức năng “Quản lý nhân viên”**

### 2.6.7 Quản lý phòng

<b>Mã Use case</b>	UC009	<b>Tên Use case</b>	Quản lý khóa học
<b>Tác nhân</b>	Quản trị viên (QTV)		
<b>Mô tả</b>	Thực hiện các tác vụ như thêm, sửa, xóa, tìm kiếm phòng		
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Click nút “Create”, “Delete”, “Show”, “Rooms”, “Edit”		
<b>Tiền điều kiện</b>	Đăng nhập thành công		

**Tim kiếm (S - Search):**

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
<b>Luồng sự kiện chính</b>	1.	QTV	Chọn chức năng tìm kiếm nhân viên
	2.	Hệ thống	Hiển thị giao diện chức năng tìm kiếm
	3.	QTV	Nhập tên phòng, mã phòng, trạng thái phòng muốn tìm kiếm
	4.	QTV	Yêu cầu tìm kiếm
	5.	Hệ thống	Tim và lấy về thông tin những người dùng thoả mãn các tiêu chí tìm kiếm
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	5a.	Hệ thống	Thông báo: Không tìm thấy thông tin người dùng nào thoả mãn tiêu chí tìm kiếm nếu trả về danh sách rỗng

**Xem (R - Read):**

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
<b>Luồng sự kiện chính</b>	1.	Quản trị viên	Yêu cầu Xem danh sách tất cả phòng

	2.	Hệ thống	Hiển thị danh sách tất cả phòng của khách sạn
	3.	Quản trị viên	Yêu cầu xem chi tiết của một phòng
	4.	Hệ thống	Hiển thị chi tiết phòng đó
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	2a.	Hệ thống	Thông báo nếu không có một phòng nào

**Sửa (U - Update):**

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
<b>Luồng sự kiện chính</b>	1.	QTV	Chọn một chức năng và yêu cầu sửa
	2.	Hệ thống	Lấy thông tin chi tiết khóa học và hiển thị thông tin hiện tại lên giao diện của chức năng sửa
	3.	QTV	Chỉnh sửa các thông tin phòng (mô tả phía dưới **) và yêu cầu sửa
	4.	Hệ thống	Kiểm tra các trường nhập liệu
	5.	Hệ thống	Cập nhật các thông tin cần chỉnh sửa và thông báo chỉnh sửa thành công.
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	4a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu các trường nhập liệu không đúng định dạng
	5a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu cập nhật không thành công

**Xóa (D - Delete):**

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
<b>Luồng sự kiện chính</b>	1.	QTV	Chọn phòng cần xóa yêu cầu xóa
	2.	Hệ thống	Hiển thị thông báo yêu cầu người dùng xác nhận việc xóa
	3.	Người dùng	Xác nhận xóa phòng
	4.	Hệ thống	Xóa và thông báo xóa thành công
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	4a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu xóa không thành công

**Thêm (C - Create):**

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
<b>Luồng sự kiện chính</b>	1.	Quản trị viên	Yêu cầu chức năng thêm mới phòng
	2.	Hệ thống	Hiển thị chức năng thêm mới phòng
	3.	Quản trị viên	Nhập các thông tin phòng (mô tả phía dưới **) và yêu cầu thêm mới
	4.	Hệ thống	Kiểm tra các trường nhập liệu
	5.	Hệ thống	Thêm mới thông tin phòng
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	4a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu dữ liệu nhập vào không đúng định dạng
	5a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu thêm mới không thành công
<b>Hậu điều kiện</b>	Hiển thị những phòng tương ứng với thông tin cần tìm kiếm; Cập nhật thành công, thông tin mới sẽ được lưu trữ vào hệ thống; Xóa thành công phòng khi không cần thiết; phòng khi tạo mới được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của hệ thống kèm theo trạng thái của phòng (Public hay		

Private) tương ứng với chức năng Dọn dẹp hay Sửa chữa hay Hoàn tất.

**Bảng 2-18: Đặc tả chức năng “Quản lý phòng”**

\*\* Dữ liệu đầu vào khi thêm/sửa:

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Số phòng	Input text field	Có		103
2.	Loại phòng	Text field	Có		VIP
3.	Giá tiền	VND	Có		600000 VND
4.	Size	M <sup>2</sup>	Có		100 M <sup>2</sup>
5.	Số lượng		Có		3
6.	Ảnh	Ảnh minh họa	Có	Định dạng ảnh: png, gif, jpg, jpeg	
7.	Mô tả	Text field	Không		

**Bảng 2-19: Dữ liệu chức năng “Quản lý khóa học”**

### 2.6.8 Quản lý khách hàng

<b>Mã Use case</b>	UC010	<b>Tên Use case</b>	Quản lý học viên
<b>Tác nhân</b>	Quản trị viên (QTV)		
<b>Mô tả</b>	Thực hiện các tác vụ như thêm, sửa, xóa, tìm kiếm tài khoản khách hàng		
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Click nút “Delete”, “Users”, “User Detail” tương ứng với các sự kiện xóa, xem danh sách, xem chi tiết khách hàn.		
<b>Tiền điều kiện</b>	Đăng nhập thành công		

**Tìm kiếm (S - Search): UC006**

**Xem (R - Read):**

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
<b>Luồng sự kiện chính</b>	1.	QTV	Yêu cầu Xem danh sách khách hàng
	2.	Hệ thống	Hiển thị danh sách khách hàng
	3.	QTV	Yêu cầu xem chi tiết thông tin khách hàng
	4.	Hệ thống	Hiển thị chi tiết thông tin khách hàng
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	2a.	Hệ thống	Thông báo nếu không có ít nhất một khách hàng nào

**Xoá (D - Delete):**

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
Luồng sự kiện chính	1.	QTV	Chọn khách hàng cần xóa yêu cầu xoá
	2.	Hệ thống	Hiển thị thông báo yêu cầu quản trị viên, nhân viên xác nhận việc xoá
	3.	QTV	Xác nhận xoá khách hàng
	4.	Hệ thống	Xoá và thông báo xoá thành công
Luồng sự kiện thay thế	4a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu xoá không thành công
Hậu điều kiện	Hiển thị danh sách tương ứng với thông tin cần tìm kiếm; Xóa thành công khách hàng khỏi hệ thống; Mở khóa cho khách hàng sử dụng chức năng hệ thống hay khi Khóa khách hàng sẽ không thể sử dụng được chức năng hệ thống.		

**Bảng 2-20: Đặc tả chức năng “Quản lý khách hàng”**

### 2.6.9 Quản lý phòng

Mã Use case	UC011	Tên Use case	Quản lý bài giảng
Tác nhân	Nhân viên		
Mô tả	Thực hiện các tác vụ như thêm, sửa, xóa, tìm kiếm phòng		
Sự kiện kích hoạt	Click nút “Create”, “Delete”, “Show”, “Edit”		
Tiền điều kiện	Đăng nhập thành công		

#### Tìm kiếm (S - Search):

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
Luồng sự kiện chính	1.	Nhân viên	Chọn chức năng tìm kiếm phòng
	2.	Hệ thống	Hiển thị giao diện chức năng tìm kiếm
	3.	Nhân viên	Nhập tên số phòng muốn tìm kiếm

	4.	Nhân viên	Yêu cầu tìm kiếm
	5.	Hệ thống	Tìm và lấy về thông tin phòng
Luồng sự kiện thay thế	5a.	Hệ thống	Thông báo: Không tìm thấy số phòng nào trùng khớp với tên cần tìm kiếm nếu trả về danh sách rỗng

**Xem (R - Read):**

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
<b>Luồng sự kiện chính</b>	1.	Nhân viên	Yêu cầu Xem danh sách phòng
	2.	Hệ thống	Hiển thị danh sách phòng
	3.	Nhân viên	Yêu cầu xem chi tiết một phòng
	4.	Hệ thống	Hiển thị chi tiết phòng với danh sách khách hàng của phòng đó
	5.1.	Nhân viên	Yêu cầu xóa khách hàng của phòng đó
	5.2.	Hệ thống	Hiển thị thông báo yêu cầu xác nhận việc xóa
	5.3.	Nhân viên	Xác nhận xóa
	5.4.	Hệ thống	Xoá và thông báo xoá thành công
	6.1.	Nhân viên	Yêu cầu xem chi tiết khách hàng
	6.2.	Hệ thống	Hiển thị chi tiết khách của bài giảng đó
	6.3.	Nhân viên	Yêu cầu thêm dịch vụ cho phòng
	6.4.	Hệ thống	Hiển thị danh sách dịch vụ
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	2a.	Hệ thống	Thông báo nếu không có ít nhất một phòng nào
	4a.	Hệ thống	Thông báo nếu không có ít nhất khách hàng nào của phòng
	5.4a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu xóa không thành công
	6.6a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu không có ít nhất dịch vụ nào

**2.6.10 Quản lý dịch vụ**

<b>Mã Use case</b>	UC012	<b>Tên Use case</b>	Quản lý tin tức
<b>Tác nhân</b>	Quản trị viên		

<b>Mô tả</b>	Thực hiện các tác vụ như thêm, sửa, xóa, tìm kiếm tin tức
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Click nút “Create News”, “Delete”, “News Detail”, “Edit News”, “Search Button”, menu “News” tương ứng với các sự kiện thêm mới, xóa, xem chi tiết, thay đổi, tìm kiếm, danh sách dịch vụ.

<b>Tiền điều kiện</b>	Đăng nhập thành công
<p><b><u>Tìm kiếm (S - Search): UC007</u></b></p>	

**Xem (R - Read):**

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
Luồng sự kiện chính	1.	Quản trị viên	Yêu cầu Xem danh sách tin tức (click menu News)
	2.	Hệ thống	Hiển thị danh sách tin tức
	3.	Quản trị viên	Yêu cầu xem chi tiết thông tin tin tức
	4.	Hệ thống	Hiển thị chi tiết thông tin tin tức
Luồng sự kiện thay thế	2a.	Hệ thống	Thông báo nếu không có ít nhất tin tức nào

**Sửa (U - Update):**

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
Luồng sự kiện chính	1.	Quản trị viên	Chọn xem chi tiết tin tức và yêu cầu sửa
	2.	Hệ thống	Lấy thông tin chi tiết tin tức và hiển thị thông tin lên giao diện của chức năng sửa
	3.	Quản trị viên	Chỉnh sửa các thông tin (mô tả phía dưới **) và yêu cầu sửa
	4.	Hệ thống	Kiểm tra các trường nhập liệu
	5.	Hệ thống	Cập nhật các thông tin cần chỉnh sửa và thông báo chỉnh sửa thành công.
Luồng sự kiện thay thế	4a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu các trường nhập liệu không đúng định dạng
	5a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu cập nhật không thành công

**Xoá (D - Delete):**

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
Luồng sự kiện chính	1.	Quản trị viên	Chọn tin tức cần xóa yêu cầu xoá
	2.	Hệ thống	Hiển thị thông báo yêu cầu quản trị viên xác nhận việc xoá
	3.	Người dùng	Xác nhận xoá tin tức
	4.	Hệ thống	Xoá và thông báo xoá thành công
Luồng sự kiện thay thế	4a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu xoá không thành công

**Thêm (C - Create):**

Luồng sự kiện	STT	Thực hiện bởi	Hành động
chính	1.	Quản trị viên	Yêu cầu chức năng thêm mới dịch vụ
	2.	Hệ thống	Hiển thị chức năng thêm mới dịch vụ

	3.	Quản trị viên	Nhập các thông tin dịch vụ (mô tả phía dưới **) và yêu cầu thêm mới
	4.	Hệ thống	Kiểm tra các trường nhập liệu
	5.	Hệ thống	Thêm mới dịch vụ
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	4a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu dữ liệu nhập vào không đúng định dạng
	5a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu thêm mới không thành công
<b>Hậu điều kiện</b>	Hiện thị danh sách tương ứng với thông tin cần tìm kiếm; Cập nhật thành công, thông tin mới sẽ được lưu trữ vào hệ thống; Xóa thành công tin tức; Dịch vụ khi tạo mới được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của hệ thống. Thông báo lỗi khi thực hiện các chức năng không thành công.		

**Bảng 2-26: Đặc tả chức năng “Quản lý dịch vụ”**

\*\*Dữ liệu dịch vụ:

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Tên dịch vụ	Input field	Có	Chuỗi kí tự	Bánh mì
2.	Giá tiền		Có	Số	10000 VND

**Bảng 2-27: Dữ liệu đầu vào khi thêm, sửa dịch vụ**

### 2.6.11 Xem lịch sử phòng và thông tin khách hàng ở phòng

<b>Mã Use case</b>	UC014	<b>Tên Use case</b>	Xem lịch sử phòng và thông tin khách hàng ở phòng
<b>Tác nhân</b>	Quản trị viên, Nhân viên (QTV-NV)		
<b>Mô tả</b>	Thực hiện các tác vụ như xem danh sách phòng, danh sách khách hàng đã ở tương ứng phòng đó		
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Click menu “History Rooms”, dropdown item “User list” tương ứng với các sự kiện xem danh sách phòng, danh sách khách hàng của từng phòng		
<b>Tiền điều kiện</b>	Đăng nhập thành công		
<b><u>Tìm kiếm (S - Search): UC007</u></b>			
<b>Xem (R - Read):</b>			
<b>Luồng sự kiện chính</b>	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	1.	NV – QTV	Yêu cầu Xem lịch sử phòng
	2.	Hệ thống	Hiện thị danh sách phòng, mỗi phòng sẽ có liên kết (dropdown item “User list”) đến danh sách khách hàng của từng phòng đó

	3.	NV – QTV	Yêu cầu xem danh sách khách hàng (click liên kết “User list”)
	4.	Hệ thống	Hiển thị danh sách khách hàng
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	2a.	Hệ thống	Thông báo nếu không có ít nhất phòng nào
	4a.	Hệ thống	Thông báo nếu không có ít nhất khách hàng nào
<b>Hậu điều kiện</b>	Hiển thị danh sách tương ứng với thông tin cần tìm kiếm		

**Bảng 2-30: Đặc tả chức năng “Xem lịch sử phòng và thông tin khách hàng đã ở phòng”**

### 2.6.12 Quản lý loại phòng

<b>Mã Use case</b>	UC015	<b>Tên Use case</b>	Quản lý thể loại phòng
<b>Tác nhân</b>	Quản trị viên		
<b>Mô tả</b>	Thực hiện các tác vụ như thêm, sửa, xóa, tìm kiếm		
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Click nút “Create”, “edit” - “Delete”, “Search”, menu tương ứng với các sự kiện thêm mới, thay đổi, xóa, tìm kiếm, danh sách loại phòng.		
<b>Tiền điều kiện</b>	Đăng nhập thành công với quyền là Admin		

#### Tìm kiếm (S - Search): UC007

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
<b>Luồng sự kiện chính</b>	1.	Nhân viên	<b>Yêu cầu xem danh sách</b>
	2.	Hệ thống	<b>Hiển thị danh sách</b>
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	2a.	Hệ thống	<b>Thông báo nếu không có ít nhất một subject nào</b>

#### Sửa (U - Update):

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
<b>Luồng sự kiện chính</b>	1.	QTV	Yêu cầu sửa thông tin loại phòng
	2.	Hệ thống	Lấy thông tin loại phòng và hiển thị thông tin lên giao diện của chức năng sửa
	3.	QTV	Chỉnh sửa các thông tin (mô tả phía dưới **) và xác nhận sửa
	4.	Hệ thống	Kiểm tra các trường nhập liệu
	5.	Hệ thống	Cập nhật các thông tin cần chỉnh sửa và thông báo chỉnh sửa thành công.

Luồng sự kiện thay thế	4a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu các trường nhập liệu không đúng định dạng
	5a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu cập nhật không thành công

**Xoá (D - Delete):**

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
Luồng sự kiện chính	1.	NV	Chọn subject cần xóa yêu cầu xoá
	2.	Hệ thống	Hiển thị thông báo yêu cầu nhân viên xác nhận việc xoá
	3.	NV	Xác nhận xoá subject
	4.	Hệ thống	Xoá và thông báo xoá thành công
Luồng sự kiện thay thế	4a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu xoá không thành công

**Thêm (C - Create):**

	STT	Thực hiện bởi	Hành động
Luồng sự kiện chính	1.	QTV	Yêu cầu chức năng thêm mới loại phòng
	2.	Hệ thống	Hiển thị chức năng thêm mới
	3.	QTV	Nhập các thông tin về loại phòng (mô tả phía dưới **) và yêu cầu thêm mới
	4.	Hệ thống	Kiểm tra các trường nhập liệu
	5.	Hệ thống	Thực hiện thêm mới loại phòng vào cơ sở dữ liệu
Luồng sự kiện thay thế	4a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu dữ liệu nhập vào không đúng định dạng
	5a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu thêm mới không thành công
Hậu điều kiện	Hiển thị danh sách tương ứng với thông tin cần tìm kiếm; Cập nhật thành công, thông tin mới sẽ được lưu trữ vào hệ thống; Xóa thành công loại phòng; Loại phòng khi tạo mới được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của hệ thống. Thông báo lỗi khi thực hiện các chức năng không thành công.		

**Bảng 2-31: Đặc tả chức năng “Quản lý thể loại khóa học”**

\*\*Dữ liệu form loại phòng:

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Tên loại phòng	Input field để nhập nội dung tên loại phòng	Có	Chuỗi kí tự	VIP

**Bảng 2-32: Dữ liệu đầu vào khi thêm, sửa đổi loại phòng**

### 2.6.13 Sử dụng chức năng hệ thống của khách hàng

Use case này là tập hợp các use cases: “Xem thông tin cá nhân”, “Đặt phòng”, “Tham gia bình luận về phòng”.

<b>Mã Use case</b>	UC016	<b>Tên Use case</b>	Sử dụng chức năng hệ thống của khách hàng
<b>Tác nhân</b>	Khách hàng		
<b>Mô tả</b>	Thực hiện các tác vụ như Đăng nhập hệ thống; Tìm kiếm phòng; Xem thông tin cá nhân; Xem thông tin phòng; Đặt phòng; Xác nhận đặt phòng; Tham gia đánh giá.		
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Click nút “Login”, “Search icon button”, liên kết “Forgot password”, nút “Send Password Reset”, liên kết “Change Password”, nút “Update Password”, liên kết “My profile”, nút “Update Profile”, liên kết “My rooms” tương ứng với các sự kiện Đăng nhập, Tìm kiếm, Yêu cầu Thiết lập lại mật khẩu, Xác nhận Thiết lập lại mật khẩu, Yêu cầu thay đổi mật khẩu, Xác nhận Thay đổi mật khẩu, Xem thông tin cá nhân, Xác nhận Cập nhật thông tin cá nhân, Xem danh sách phòng đã đặt.		
<b>Tiền điều kiện</b>	Đăng nhập thành công		
<b>Xem danh sách phòng đã đặt và tiến hành đặt phòng</b>			
	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
<b>Luồng sự kiện chính</b>	1.	Khách hàng	Yêu cầu xem danh sách phòng đã đặt
	2.	Hệ thống	Lấy danh sách phòng đã đặt và hiển thị cho khách hàng
	3.	Khách hàng	Tìm kiếm phòng muốn đặt và tiến hành đặt
	4.	Hệ thống	Hiển thị danh sách các phòng cần tìm
	5.	Khách hàng	Yêu cầu xác nhận đặt phòng
	6.	Hệ thống	Hiển thị giao diện đặt phòng
	7.	Khách hàng	Nhập thông tin đặt phòng vào form(bên dưới),xác nhận đặt phòng
	8.	Hệ thống	Kiểm tra các trường nhập liệu
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>	2a.	Hệ thống	Không hiển thị nếu chưa đặt lần nào
	8a.	Hệ thống	Thông báo lỗi nếu nhập liệu không chính xác, thông báo lỗi khi xác nhận không thành công
<b>Hậu điều kiện</b>	Hiển thị thông tin tương ứng các phòng (nếu có) phù hợp với thông tin tìm kiếm, sau khi đặt phòng cập nhật thông tin phòng vào lịch sử đặt phòng. Trong quá trình xử lý thông tin nếu có lỗi cần thông báo thông tin cho khách hàng.		

**Bảng 2-33: Đặc tả sử dụng các chức năng của khách hàng**

## 3 Các yêu cầu phi chức năng

### 3.1 Giao diện người dùng

Giao diện hiển thị tốt trên các thiết bị khác nhau.

Đối với khách khi truy cập sử dụng hệ thống thông qua trình duyệt web, hệ thống sẽ nhận yêu cầu truy cập từ phía máy khách thông qua trình duyệt và gửi trape về cho trình duyệt các menu chức năng tương ứng với phạm vi của từng người dùng.

Trong trường hợp này Khách có thể tương tác với hệ thống thông qua cửa sổ màn hình trên trình duyệt với cấu trúc trang gồm có:

- phần tiêu đề trang cung cấp tên hệ thống, nút bấm đăng nhập hệ thống
- phần thân trang cung cấp thông tin về danh sách các phòng thông tin phòng bao gồm số phòng, loại phòng, giá tiền
- phần cuối trang cung cấp thông tin liên quan đến hệ thống

Khi Người dùng truy cập hệ thống và đặt phòng và thân trang được chia thành hai phần trái – phải với bên trái gồm danh sách các menu , bên phải là nội dung của menu đó.

Khi quản trị viên truy cập sử dụng chức năng hệ thống thì phần thân trang cũng sẽ phân bổ theo cấu trúc trái-phải hay sidebar menu, với mỗi phần tử trong menu sẽ tương ứng với từng chức năng quản lý của quản trị viên.

### 3.2 Tính bảo mật

Người dùng chỉ có thể sử dụng các chức năng và truy cập các dữ liệu phù hợp với vai trò của người dùng đó.

### 3.3 Ràng buộc

ELCs là hệ thống dựa trên Web do vậy người dùng cần có các thiết bị có kết nối với internet như máy vi tính và được cung cấp các dịch vụ như thư điện tử, hình ảnh, văn bản, đa phương tiện, giao thức truyền thông siêu văn bản để có thể gửi và nhận thông tin, dữ liệu giữa máy khách và web server.

- Bên phía máy khách – người dùng cần có phần mềm ứng dụng duyệt Web như Google Chrome, Internet Explore, Mozilla Firefox, Opera với phiên bản mới nhất có hỗ trợ JavaScript.

## 4 Mô tả chức năng

### 4.1. Admin

#### 4.1.1. Quản lý thông tin cá nhân

<b>Use Case Name</b>	<b>Quản lý Thông tin cá nhân</b>
<b>Use Case ID</b>	UC01
<b>High Level Requirement Ref</b>	Cho phép admin quản lý thông tin của mình
<b>Actor</b>	Admin
<b>Description</b>	Tất cả các thông tin của admin được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Admin có thể đổi mật khẩu của mình
<b>Trigger</b>	NA
<b>Pre-condition</b>	Người dùng kích vào Đổi mật khẩu
<b>Post-processing</b>	

##### 4.1.1.1. Chỉnh sửa mật khẩu



<b>Screen</b>	Đổi mật khẩu		
<b>Description</b>	Cho phép người đổi mật khẩu đăng nhập vào hệ thống		
<b>Screen Access</b>	Người dùng chọn Đổi mật khẩu		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Mật khẩu cũ	Password – String(100)		Ô điền mật khẩu cũ đăng nhập vào hệ thống
Mật khẩu mới	Password – String(100)		Ô điền mật khẩu mới đăng nhập vào hệ thống
Xác nhận mật khẩu mới	Password – String(100)		Ô điền lại mật khẩu mới để xác nhận một lần nữa trước khi

			thay đổi
Xác Nhận	Button		Thực hiện việc đổi mật khẩu đăng nhập vào hệ thống.
Quay lại	Button		Hủy việc chỉnh sửa mật khẩu
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>
Xác nhận	<p>Khi người dùng kích nút Xác nhận, hệ thống sẽ kiểm tra mật khẩu cũ nếu chưa chính xác thì hiển thị Mật khẩu cũ không đúng, sau đó hệ thống so khớp mật khẩu mới và mật khẩu cũ nếu giống nhau thì hiển thị Mật khẩu mới trùng với mật khẩu cũ.</p> <p>Trường hợp mật khẩu mới và xác nhận mật khẩu không trùng nhau thì hiển thị thông báo “Mật khẩu xác nhận chưa chính xác”.</p>	<p>Hiển thị thông báo “Đổi mật khẩu thành công”</p>	<p>Hiện thông báo : “Mật khẩu cũ trùng với mật khẩu mới”</p> <p>Hiện thông báo: “Mật khẩu cũ chưa chính xác”.</p> <p>Hiện thông báo: “Mật khẩu xác nhận chưa chính xác”</p>

Quay lại	Khi người dùng kích nút Quay lại sẽ trở về lại trang chủ	Thoát khỏi trang đổi mật khẩu	Ở lại trang đổi mật khẩu
----------	--	-------------------------------	--------------------------

#### 4.1.2. Quản lý khách hàng

<b>Use Case Name</b>	<b>Quản lý Khách hàng</b>
<b>Use Case ID</b>	UC02
<b>High Level Requirement Ref</b>	Cho phép admin quản lý thông tin của khách hàng tạo mới, chỉnh sửa, xóa hiển thị, danh sách khách hàng.
<b>Actor</b>	Admin
<b>Description</b>	Tất cả các thông tin Khách hàng được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Admin có thể tạo mới, khóa, chỉnh sửa, xóa, hiển thị danh sách khách hàng.
<b>Trigger</b>	NA
<b>Pre-condition</b>	Người dùng kích vào Quản lý Khách hàng ở menu
<b>Post-processing</b>	

##### 4.1.2.1. Hiển thị danh sách khách hàng

The screenshot shows a web browser window with the URL <http://quanlykhachsanh.com.vn/khach-hang>. The page has a navigation menu on the left and a main content area. The main content area is titled 'DANH SÁCH KHÁCH HÀNG' and contains a search bar and a table of customer records. Each record has buttons for 'Xem' (View) and 'Xóa' (Delete).

Họ và tên	Địa chỉ	Ngày sinh	Giới tính	CMND		
Nguyễn Văn An	Nguyễn Văn An	Nguyễn Văn An	Nam	Nguyễn Văn An	Xem	Xóa
Nguyễn Văn An	Nam	Nam	Nam	Nam	Xem	Xóa
Nguyễn Văn An	Nam	Nam	Nam	Nam	Xem	Xóa
Nguyễn Văn An	Nam	Nam	Nam	Nam	Xem	Xóa
Nguyễn Văn An	Nam	Nam	Nam	Nam	Xem	Xóa

<b>Screen</b>	Danh sách khách hàng		
<b>Description</b>	Hiển thị danh sách khách hàng		
<b>Screen Access</b>	Người quản lý chọn <b>Quản lý khách hàng</b>		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Tìm kiếm	Search Box		Ô nhập dữ liệu tìm kiếm
Họ và tên	Label - String(50)		Hiển thị tên khách hàng
Địa Chỉ	Label - String (50)		Hiển thị địa chỉ
Ngày Sinh	Label - Date		Hiển thị ngày sinh
Giới Tính	Label - String (20)		Hiển thị giới tính
CMND	Label - String(50)		Hiển thị số CMND

Xem	Button		Ô xem chi tiết khách hàng
Xoá	Button		Ô xoá khách hàng
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>
Tìm kiếm	Khi người dùng kích vào <b>Tìm kiếm</b> thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn tìm kiếm khách hàng theo dữ liệu người dùng nhập ở Ô tìm kiếm.	Nếu ở Ô tìm kiếm người dùng không nhập gì, Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ khách hàng ra bảng danh sách khách hàng.  Ngược lại, hiển thị kết quả tìm kiếm được ra bảng danh sách khách hàng.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”  Khi hệ thống không tìm thấy khách hàng nào thì sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy”
Xem	Khi người dùng kích vào <b>Xem</b> thì sẽ hiển thị ra danh sách chi tiết khách hàng đó	Hiển thị màn hình “Xem chi tiết khách hàng”	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”

Xóa	Khi người dùng kích vào <b>xóa</b> ở dòng nào thì sẽ hiện ra thông báo tương ứng ở khách hàng đó.	Hiện thị thông báo:”Xóa khách hàng”	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiện thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”
-----	---	-------------------------------------	--

#### 4.1.2.2. Chỉnh sửa khách hàng

The screenshot shows a web browser window with the URL <http://quanlykhachsan.com.vn/khach-hang/chinh-sua>. The page title is "CHỈNH SỬA KHÁCH HÀNG". On the left is a sidebar menu with options like "Khách sạn", "Khách hàng", "Đặt phòng", etc. The main form contains the following fields:

- Họ Tên Khách Hàng:
- Giới Tính:
- Chứng Minh Nhân Dân:
- Ngày Sinh:
- Số Điện Thoại:
- Địa Chỉ:
- Ghi Chú:

At the bottom of the form are three buttons: "Xác nhận", "Quay lại", and "Quay về trang quản lý".

<b>Screen</b>	Chỉnh sửa khách hàng		
<b>Description</b>	Cho phép Admin chỉnh sửa thông tin khách hàng		
<b>Screen Access</b>	Người quản lý chọn <b>Quản lý khách hàng</b> trên menu -> click “Chỉnh sửa khách hàng”		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>

Họ tên khách hàng	Text field – String (50)		Ô nhập dữ liệu khách hàng
Giới Tính	Combo Box		Hiển thị tên khách hàng
Chứng Minh Nhân Dân	Text field – String (50)		Ô nhập dữ liệu chứng minh nhân dân
Ngày Sinh	Datetime Picker		Hiển thị ngày sinh
Số điện thoại	Text field – String (50)		Ô nhập dữ liệu số điện thoại
Địa chỉ	Text field – String (50)		Ô nhập dữ liệu Địa chỉ
Ghi chú	Text field – String (50)		Ô nhập dữ liệu Ghi chú
Xác nhận	Button		Lưu lại thông tin khách hàng
Quay lại	Button		Quay lại trang quản lý khách hàng
Quay về trang quản lý	Button		Quay về trang chủ
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>

Xác nhận	Khi người dùng kích vào <b>Xác nhận</b> thì hệ thống sẽ thực hiện lưu lại thông tin khách hàng.	Hệ thống sẽ hiển thị ra thông báo “Thêm thành công” và tiến hành lưu vào cơ sở dữ liệu	Khi có lỗi do nhập không chính xác hoặc nhập thiếu thì đưa ra thông báo “Nhập lại”
Quay lại	Khi người dùng kích vào <b>Quay lại</b> thì sẽ quay lại màn hình “Quản lý khách hàng”	Hiển thị màn hình “Quản lý khách hàng”	Hiện ra thông báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Quay về trang quản lý	Khi người dùng kích vào <b>Quay về trang quản lý</b> thì sẽ hiện ra trang chủ.	Hiển thị màn hình “Trang chủ”	Hiện ra thông báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

### 4.1.3. Quản lý đơn đặt phòng

<b>Use Case Name</b>	<b>Quản lý đơn đặt phòng</b>
<b>Use Case ID</b>	UC03
<b>High Level Requirement Ref</b>	Cho phép admin quản lý thông tin của đơn đặt phòng tạo mới, chỉnh sửa, xóa hiển thị, danh sách khách hàng.

<b>Actor</b>	Admin
<b>Description</b>	Tất cả các thông tin Đơn đặt phòng được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Admin có thể tạo mới, khóa, chỉnh sửa, xóa, hiển thị danh sách các đơn đặt phòng
<b>Trigger</b>	NA
<b>Pre-condition</b>	Người dùng kích vào Quản lý đơn đặt phòng ở menu
<b>Post-processing</b>	

#### 4.1.3.1. Hiển thị danh sách đơn đặt phòng

The screenshot shows a web browser window with the URL <http://quanlykhachsan.com.vn/khach-hang>. The page is titled "DANH SÁCH ĐƠN ĐẶT PHÒNG" (Room Booking List). The interface includes a sidebar menu on the left and a main content area with a table of booking orders.

Thời gian gửi mail	Họ và tên	Số điện thoại	Thời gian thuê phòng	Tình trạng
9/4/2022	Nguyễn Văn An	0913946875	10/4/2022	Đã xác nhận <a href="#">Xem</a> <a href="#">Xóa</a>
9/4/2022	Nguyễn Văn A	0913946875	10/4/2022	Chưa xác nhận <a href="#">Xem</a> <a href="#">Xóa</a>
9/4/2022	Trần Văn B	0913946875	10/4/2022	Chưa xác nhận <a href="#">Xem</a> <a href="#">Xóa</a>
9/4/2022	Lê Thị C	0913946875	10/4/2022	Chưa xác nhận <a href="#">Xem</a> <a href="#">Xóa</a>
9/4/2022	Hoàng Thị D	0913946875	10/4/2022	Chưa xác nhận <a href="#">Xem</a> <a href="#">Xóa</a>

<b>Screen</b>	Xem danh sách đơn đặt phòng		
<b>Description</b>	Cho phép admin xem tất cả các thông tin của đơn đặt phòng		
<b>Screen Access</b>	Admin kích vào Chọn “Danh sách đơn đặt phòng”		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Thời gian gửi mail	Label - Date		Hiển thị thời gian gửi mail của khách hàng
Họ và tên	Label-String (50)		Hiển thị Họ và tên khách hàng
Số điện thoại	Label-String(20)		Hiển thị số điện thoại
Thời gian thuê phòng	Label - Date		Hiển thị thời gian bắt đầu thuê phòng
Tình trạng	Label-String (100)		Hiển thị tình trạng đã xác nhận hay chưa xác nhận đơn đặt phòng
Tìm kiếm	Search Box		Ô dữ liệu tìm kiếm
Xem	Button		Kích khi muốn xem chi tiết đơn đặt phòng
Xoá	Button		Kích khi muốn xoá đơn đặt phòng đó
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>
Tìm kiếm	Khi người dùng kích	Nếu ở Ô tìm	Khi có lỗi kết

	vào <b>Tìm kiếm</b> thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn tìm kiếm khách hàng theo dữ liệu người dùng nhập ở Ô tìm kiếm.	kiếm người dùng không nhập gì, Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ đơn đặt hàng ra bảng danh sách đơn đặt hàng  Ngược lại, hiển thị kết quả tìm kiếm được ra bảng danh sách đơn đặt hàng.	nội cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”  Khi hệ thống không tìm thấy đơn đặt hàng nào thì sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy”
Xem	Khi người dùng kích vào <b>Xem</b> thì sẽ hiển thị ra danh sách chi tiết của đơn đặt phòng đó	Hiển thị màn hình “Xem chi tiết đơn đặt phòng đó”	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Xoá	Khi người dùng kích vào <b>xoá</b> ở dòng nào thì sẽ hiện ra thông báo tương ứng ở đơn đặt phòng đó.	Hiển thị thông báo:”Xoá đơn đặt phòng”	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

#### 4.1.3.2. **Hiển thị chi tiết đơn đặt phòng**

DatPhong

http://quanlykhachsanh.com.vn/Danh-sach-dang-ky/don-dat-phong

HOME ADMIN

Khách sạn  
Khách hàng  
Đặt phòng  
Danh sách hóa đơn  
Danh sách đăng ký  
Danh mục  
Chức quyền  
Quyền  
Dịch vụ  
Loại phòng  
Vị trí  
Báo cáo thống kê  
Doanh thu  
Đặt phòng qua email  
Cài đặt  
Phân quyền  
Tài khoản người dùng

### ĐƠN ĐẶT PHÒNG

Ngày Gửi 3/22/2022 7:39:19 AM  
 Họ Và Tên Nguyễn Văn An  
 Email thanhmai.20570@gmail.com  
 Số Điện Thoại 0945781231  
 Tin Nhắn Xác nhận rồi báo lại tôi qua số điện thoại hoặc email  
 Phòng P101 - 200000 Đ  
 Thời Gian Thuê 18/03/2022 - 21/03/2022  
 Ghi Chú  
 Trang Thái Xử Lý Đã xử lý

Hoàn thành Quay lại Quay về trang quản lý

To the top

f @ v t i n

<b>Screen</b>	Xem chi tiết thông tin đơn đặt phòng		
<b>Description</b>	Cho phép admin xem tất cả các thông tin chi tiết của đơn đặt phòng: Thời gian gửi mail, Họ và tên, Số điện thoại, Thời gian thuê phòng, Tình trạng.		
<b>Screen Access</b>	Admin kích vào Chọn “Danh sách đơn đặt phòng” -> kích “Xem” ở cột thao tác.		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Ngày gửi	Label - DateTime		Hiển thị thời gian gửi mail của khách hàng
Họ và tên	Label-String (50)		Hiển thị Họ và tên khách hàng
Số điện thoại	Label-		Hiển thị số điện

	String(20)		thoại
Tin nhắn	Label-String (200)		Hiển thị dòng tin nhắn mà khách hàng muốn gửi
Phòng	Label-String(20)		Hiển thị phòng ở và Giá thuê phòng
Thời gian thuê phòng	Label - Date		Hiển thị thời gian bắt đầu thuê phòng và thời gian kết thúc thuê.
Ghi chú	Note Box		Ghi lại những lưu ý về việc đặt phòng
Tình trạng	Label-String (100)		Hiển thị tình trạng đã xác nhận hay chưa xác nhận đơn đặt phòng
Hoàn thành	Button		Ô dữ liệu tìm kiếm
Quay lại	Button		Quay lại trang danh sách đặt phòng
Quay về trang quản lý	Button		Quay về trang chủ

### Screen Actions

Action Name	Description	Success	Failure
Hoàn thành	Khi người dùng kích vào <b>Hoàn thành</b> thì hệ thống sẽ thực hiện lưu lại chi tiết đơn đặt phòng của khách hàng.	Hệ thống sẽ tiến hành lưu lại toàn bộ thông tin của khách hàng xuống cơ sở dữ liệu	Khi có lỗi do nhập không chính xác hoặc nhập thiếu thì đưa ra thông báo “Nhập lại”

Quay lại	Khi người dùng kích vào <b>Quay lại</b> thì sẽ quay lại trang danh sách của đơn đặt phòng	Hiện thị màn hình “Hiện thị trang danh sách đơn đặt phòng”	Hiện ra thông báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Quay về trang quản lý	Khi người dùng kích vào <b>Quay về trang quản lý</b> thì sẽ hiện ra trang chủ.	Hiện thị màn hình “Trang chủ”	Hiện ra thông báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

#### 4.1.4. Quản lý hoá đơn

<b>Use Case Name</b>	<b>Quản lý hoá đơn</b>
<b>Use Case ID</b>	UC04
<b>High Level Requirement Ref</b>	Cho phép admin quản lý thông tin của hoá đơn tạo mới, chỉnh sửa, xóa hiển thị, danh sách hoá đơn.
<b>Actor</b>	Admin
<b>Description</b>	Tất cả các thông tin Hoá đơn được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Admin có thể tạo mới, khóa, chỉnh sửa, xóa, hiển thị danh sách các hoá đơn.
<b>Trigger</b>	NA
<b>Pre-condition</b>	Người dùng kích vào Quản lý hoá đơn ở menu
<b>Post-processing</b>	

##### 4.1.4.1. Hiện thị danh sách hoá đơn

<b>Screen</b>	Xem chi tiết thông tin hoá đơn		
<b>Description</b>	Cho phép admin xem tất cả các thông tin chi tiết của hoá đơn : Phòng, Nhận phòng, Trả phòng, Họ và tên, Số tiền thanh toán, Tình trạng.		
<b>Screen Access</b>	Admin kích vào Chọn “Danh sách hoá đơn” -> kích “Xem” ở cột thao tác.		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Phòng	Label-String (50)		Hiển thị phòng ở của khách hàng
Nhận phòng	Label - Date		Hiển thị ngày nhận phòng
Trả phòng	Label - Date		Hiển thị ngày trả phòng
Họ và tên	Label-String (50)		Hiển thị họ và tên khách hàng

Số tiền thanh toán	Label-String (100)		Hiển thị số tiền cần thanh toán của khách
Tình trạng	Label-String (50)		Hiển thị tình trạng đã thanh toán hay chưa thanh toán
Sửa	Button		Kích khi muốn sửa hoá đơn đó
Xoá	Button		Kích khi muốn xoá hoá đơn đó

### Screen Actions

Action Name	Description	Success	Failure
Tìm kiếm	Khi người dùng kích vào <b>Tìm kiếm</b> thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn tìm kiếm khách hàng theo dữ liệu người dùng nhập ở Ô tìm kiếm.	Nếu ở Ô tìm kiếm người dùng không nhập gì, Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ hoá đơn ra bảng danh sách hoá đơn  Ngược lại, hiển thị kết quả tìm kiếm được ra bảng danh sách hoá đơn.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”  Khi hệ thống không tìm thấy hoá đơn nào thì sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy”
Sửa	Khi người dùng kích vào <b>Xem</b> thì sẽ hiển thị ra danh sách chi tiết của đơn đặt phòng đó	Hiển thị màn hình “Xem chi tiết đơn đặt phòng đó”	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.

			Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Xoá	Khi người dùng kích vào <b>xoá</b> ở dòng nào thì sẽ hiện ra thông báo tương ứng ở hóa đơn đó.	Hiện thị thông báo:”Xóa hoá đơn”	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiện thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

#### 4.1.5. Quản lý dịch vụ

<b>Use Case Name</b>	<b>Quản lý dịch vụ</b>
<b>Use Case ID</b>	UC05
<b>High Level Requirement Ref</b>	Cho phép admin quản lý thông tin của dịch vụ, tạo mới, chỉnh sửa, xóa hiển thị, danh sách dịch vụ.
<b>Actor</b>	Admin
<b>Description</b>	Tất cả các thông tin Dịch vụ được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Admin có thể tạo mới, khóa, chỉnh sửa, xóa, hiển thị danh sách các dịch vụ.
<b>Trigger</b>	NA
<b>Pre-condition</b>	Người dùng kích vào Quản lý dịch vụ ở menu
<b>Post-processing</b>	

##### 4.1.5.1. Hiển thị danh sách dịch vụ

<b>Screen</b>	Xem chi tiết thông tin dịch vụ		
<b>Description</b>	Cho phép admin xem tất cả các thông tin của dịch vụ : Tên dịch vụ, Trạng thái, Giá tiền.		
<b>Screen Access</b>	Admin kích vào Chọn “Danh sách dịch vụ” -> kích “Xem” ở cột thao tác.		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Tên dịch vụ	Label-String (50)		Hiển thị tên dịch vụ
Trạng thái	Label-String (50)		Hiển thị trạng thái đang sử dụng hay tạm dừng
Giá tiền	Label-String (50)		Hiển thị giá tiền của dịch vụ
Tìm kiếm	Search Box		Ô nhập dữ liệu tìm kiếm

Sửa	Button		Kích khi muốn sửa dịch vụ đó
Xoá	Button		Kích khi muốn xoá dịch vụ đó
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>
Tìm kiếm	Khi người dùng kích vào <b>Tìm kiếm</b> thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn tìm kiếm dịch vụ theo dữ liệu người dùng nhập ở Ô tìm kiếm.	Nếu ở Ô tìm kiếm người dùng không nhập gì, Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ dịch vụ ra bảng danh sách dịch vụ.  Ngược lại, hiển thị kết quả tìm kiếm được ra bảng danh sách dịch vụ.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”  Khi hệ thống không tìm thấy dịch vụ nào thì sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy”
Sửa	Khi người dùng kích vào <b>Sửa</b> thì sẽ hiển thị ra màn hình để sửa dịch vụ mà khách hàng đã đặt	Hiển thị màn hình “Sửa thông tin dịch vụ”	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Xoá	Khi người dùng kích vào <b>xoá</b> ở dòng nào thì sẽ hiện ra thông báo tương	Hiển thị thông báo:”Xoá	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị

	ứng ở dịch vụ đó.	dịch vụ”	thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
--	-------------------	----------	---

#### 4.1.5.2. Thêm mới dịch vụ

<b>Screen</b>	Thêm mới dịch vụ		
<b>Description</b>	Cho phép admin thêm mới dịch vụ		
<b>Screen Access</b>	Admin kích vào Chọn “Danh sách dịch vụ” -> kích “Thêm” ở cột thao tác.		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Tên dịch vụ	Text field – String (50)		Hiển thị tên dịch vụ
Trạng thái	Combo Box		Hiển thị trạng thái

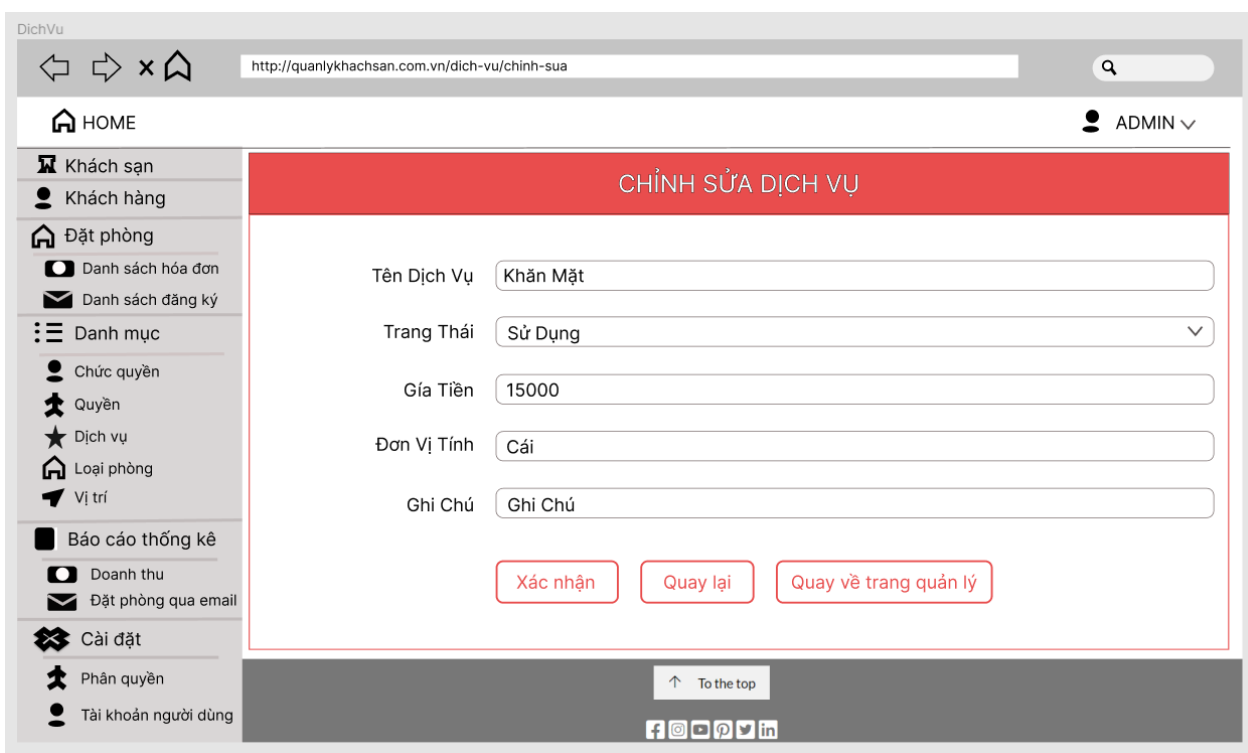
			đang sử dụng hay tạm dừng
Giá tiền	Text field – String (50)		Hiển thị giá tiền của dịch vụ
Đơn vị tính	Text field – String (50)		Hiển thị đơn vị tính
Ghi chú	Text field – String (50)		Hiển thị Ghi chú
Xác nhận	Button		Xác nhận Thêm dịch vụ
Quay lại	Button		Quay lại trang quản lý dịch vụ
Quay về trang quản lý	Button		Quay về trang chủ

### Screen Actions

Action Name	Description	Success	Failure
Xác nhận	Khi người dùng kích vào <b>Xác nhận</b> thì hệ thống sẽ thực hiện lưu lại thông tin dịch vụ.	Hệ thống sẽ hiển thị ra thông báo “Thêm thành công” và tiến hành lưu vào cơ sở dữ liệu	Khi có lỗi do nhập không chính xác hoặc nhập thiếu thì đưa ra thông báo “Nhập lại”
Quay lại	Khi người dùng kích vào <b>Quay lại</b> thì sẽ quay lại màn hình “Quản lý dịch vụ”	Hiển thị màn hình “Quản lý dịch vụ”	Hiện ra thông báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang

			hiện tại.
Quay về trang quản lý	Khi người dùng kích vào <b>Quay về trang quản lý</b> thì sẽ hiện ra trang chủ.	Hiện thị màn hình “Trang chủ ”	Hiện ra thông báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

### 4.1.5.3. Chỉnh sửa dịch vụ



<b>Screen</b>	Chỉnh sửa dịch vụ		
<b>Description</b>	Cho phép admin chỉnh sửa dịch vụ		
<b>Screen Access</b>	Admin kích vào Chọn “Danh sách dịch vụ” -> kích “Chỉnh sửa” ở cột thao tác.		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>

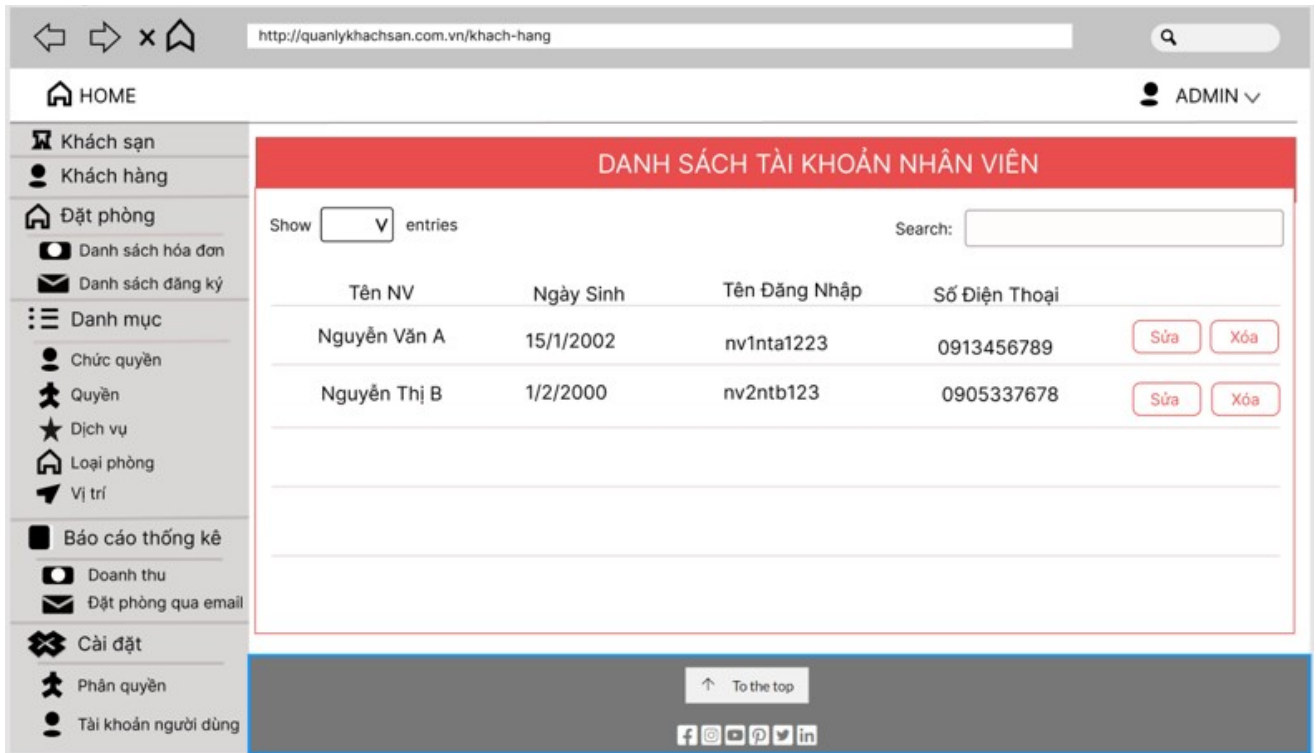
Tên dịch vụ	Text field – String (50)		Hiển thị tên dịch vụ
Trạng thái	Combo Box		Hiển thị trạng thái đang sử dụng hay tạm dừng
Giá tiền	Text field – String (50)		Hiển thị giá tiền của dịch vụ
Đơn vị tính	Text field – String (50)		Hiển thị đơn vị tính
Ghi chú	Text field – String (50)		Hiển thị Ghi chú
Xác nhận	Button		Xác nhận Chính sửa dịch vụ
Quay lại	Button		Quay lại trang quản lý dịch vụ
Quay về trang quản lý	Button		Quay về trang chủ
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>
Xác nhận	Khi người dùng kích vào <b>Xác nhận</b> thì hệ thống sẽ thực hiện lưu lại thông tin dịch vụ.	Hệ thống sẽ hiển thị ra thông báo “Chính sửa thành công” và tiến hành lưu vào cơ sở dữ liệu	Khi có lỗi do nhập không chính xác hoặc nhập thiếu thì đưa ra thông báo “Nhập lại”
Quay lại	Khi người dùng kích vào	Hiển thị màn	Hiện ra thông

	<b>Quay lại</b> thì sẽ quay lại màn hình “Quản lý dịch vụ”	hình “Quản lý dịch vụ”	báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Quay về trang quản lý	Khi người dùng kích vào <b>Quay về trang quản lý</b> thì sẽ hiện ra trang chủ.	Hiện thị màn hình “Trang chủ ”	Hiện ra thông báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

#### 4.1.6. Quản lý tài khoản nhân viên

<b>Use Case Name</b>	<b>Quản lý tài khoản nhân viên</b>
<b>Use Case ID</b>	UC06
<b>High Level Requirement Ref</b>	Cho phép admin quản lý thông tin tài khoản của nhân viên, tạo mới, chỉnh sửa, xóa hiển thị, danh sách tài khoản nhân viên.
<b>Actor</b>	Admin
<b>Description</b>	Tất cả các thông tin Nhân viên được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Admin có thể tạo mới, khóa, chỉnh sửa, xóa, danh sách tài khoản nhân viên.
<b>Trigger</b>	NA
<b>Pre-condition</b>	Người dùng kích vào Quản lý tài khoản nhân viên ở menu
<b>Post-processing</b>	

#### 4.1.6.1. Hiện thị danh sách tài khoản nhân viên



<b>Screen</b>	Xem chi tiết thông tin tài khoản nhân viên		
<b>Description</b>	Cho phép admin xem tất cả các thông tin của tài khoản nhân viên .		
<b>Screen Access</b>	Admin kích vào Chọn “Danh sách tài khoản nhân viên”		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Tên nhân viên	Label-String (50)		Hiện thị tên nhân viên
Ngày sinh	Label-Date		Hiện thị ngày nhận phòng
Tên đăng nhập	Label-String (50)		Hiện thị ngày trả phòng
Số điện thoại	Label-String		Hiện thị số điện thoại

	(50)		
Tìm kiếm	Search Box		Ô nhập dữ liệu tìm kiếm
Sửa	Button		Kích khi muốn sửa tài khoản nhân viên đó
Xoá	Button		Kích khi muốn xoá tài khoản nhân viên đó

### Screen Actions

Action Name	Description	Success	Failure
Tìm kiếm	Khi người dùng kích vào <b>Tìm kiếm</b> thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn tìm kiếm tài khoản nhân viên theo dữ liệu người dùng nhập ở Ô tìm kiếm.	Nếu ở Ô tìm kiếm người dùng không nhập gì, Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ tài khoản nhân viên ra bảng danh sách  Ngược lại, hiển thị kết quả tìm kiếm được ra bảng danh sách tài khoản nhân viên.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”  Khi hệ thống không tìm thấy hoá đơn nào thì sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy”
Sửa	Khi người dùng kích vào <b>Sửa</b> thì sẽ hiển thị ra màn hình để sửa thông tin tài khoản nhân viên đó	Hiển thị màn hình “Sửa thông tin tài khoản nhân viên”	Khi có lỗi -> Hiển thị thông báo “Lỗi sửa dữ liệu không thành công”.

			Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Xoá	Khi người dùng kích vào <b>Xoá</b> ở dòng nào thì sẽ hiện ra thông báo tương ứng ở tài khoản nhân viên đó.	Hiện thị thông báo:”Xoá tài khoản nhân viên”	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiện thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

#### 4.1.6.2. Thêm mới tài khoản nhân viên

The screenshot shows a web browser window with the URL <http://quanlykhachsan.com.vn/tai-khoan-nguoi-dung/them>. The page title is "THÊM MỚI TÀI KHOẢN NHÂN VIÊN". The form contains the following fields:

- Tên Đăng Nhập (Username)
- Họ Và Tên (Full Name)
- Chứng Minh Nhân Dân (ID Card)
- Số Điện Thoại (Phone Number)
- Ngày Sinh (Birth Date) with a date picker (dd/mm/yyyy)
- Quyền (Role) dropdown menu, currently set to "Nhân Viên"
- Mật Khẩu (Password)
- Xác Nhận Mật Khẩu (Confirm Password)

Buttons: "Xác Nhận" (Confirm) and "Quay lại" (Back).

<b>Screen</b>	Thêm mới tài khoản nhân viên
<b>Description</b>	Cho phép admin thêm tài khoản nhân viên mới : Tên đăng nhập, Tên Nhân viên, Ngày sinh, Tên đăng nhập, Số điện thoại, Ngày Sinh, Mật khẩu.

<b>Screen Access</b>	Admin kích vào Chọn “Danh sách tài khoản nhân viên” -> kích “Thêm” ở cột thao tác.		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Tên Đăng Nhập	Text field – String (50)		Ô nhập Tên đăng nhập
Họ và tên	Text field – String (50)		Ô nhập Họ và tên
Chứng Minh Nhân Dân	Text field – String (50)		Ô nhập Chứng minh nhân dân
Số điện thoại	Text field – String (50)		Ô nhập Số điện thoại
Ngày sinh	Date Picker		Ô nhập hoặc chọn ngày
Quyền	Combo Box		Chọn quyền
Mật khẩu	Text field – String (50)		Ô nhập mật khẩu
Xác nhận mật khẩu	Text field – String (50)		Ô nhập xác nhận mật khẩu
Xác nhận	Button		Lưu lại thông tin tài khoản nhân viên
Quay lại	Button		Quay lại màn hình “Quản lý nhân viên”
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>
Xác nhận	Khi người dùng kích vào <b>Xác nhận</b> thì hệ thống sẽ thực hiện lưu lại thông tin nhân viên.	Hệ thống sẽ hiển thị ra thông báo “Thêm thành công” và tiến	Khi có lỗi do nhập không chính xác hoặc nhập thiếu thì đưa ra thông

		hành lưu vào cơ sở dữ liệu	báo “Nhập lại”
Quay lại	Khi người dùng kích vào <b>Quay lại</b> thì sẽ quay lại màn hình “Quản lý tài khoản nhân viên”	Hiện thị màn hình “Quản lý tài khoản nhân viên”	Hiện ra thông báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

#### 4.1.7. Quản lý doanh thu

<b>Use Case Name</b>	<b>Quản lý doanh thu</b>
<b>Use Case ID</b>	UC07
<b>High Level Requirement Ref</b>	Cho phép admin quản lý doanh thu của khách sạn
<b>Actor</b>	Admin
<b>Description</b>	Tất cả các thông tin về doanh thu được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình.
<b>Trigger</b>	NA
<b>Pre-condition</b>	Người dùng kích vào Quản lý doanh thu ở menu
<b>Post-processing</b>	

##### 4.1.7.1. Quản lý doanh thu

BaoCao

http://quanlykhachsan.com.vn/bao-cao-thong-ke/doanh-thu

HOME ADMIN

Khách sạn  
Khách hàng  
Đặt phòng  
Danh sách hóa đơn  
Danh sách đăng ký  
Danh mục  
Chức quyền  
Quyền  
Dịch vụ  
Loại phòng  
Vị trí  
Báo cáo thống kê  
Doanh thu  
Đặt phòng qua email  
Cài đặt  
Phân quyền  
Tài khoản người dùng

### BÁO CÁO DOANH THU

THỜI GIAN	HỌ TÊN KHÁCH HÀNG	PHÒNG	DỊCH VỤ	TỔNG THU
1/7/2018 1:18:05 AM	Nguyễn Văn An	P101	Không	1.000.000
11/9/2018 5:35:10 AM	Đặng Văn Phước	P202	Không	1.050.000
4/1/2019 12:11:05 PM	Nguyễn Thị Diệu	P302	Không	1.500.000
9/6/2019 7:30:05 AM	Phan Thị Thảo	P109	Không	1.100.000

↑ To the top

f i y t p in

<b>Screen</b>	Quản lý doanh thu		
<b>Description</b>	Cho phép admin Xem doanh thu của khách sạn: Thời gian, Họ tên khách hàng, Phòng, Dịch vụ, Tổng thu.		
<b>Screen Access</b>	Admin kích vào Chọn “Quản lý doanh thu”		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Thời gian	Label-Date		Hiển thị thời gian thanh toán
Họ và tên khách hàng	Label-String (50)		Hiển thị Họ và tên khách hàng
Phòng	Label-String (50)		Hiển thị phòng
Dịch vụ	Label-String (50)		Hiển thị Dịch vụ
Tổng thu	Label-String (50)		Hiển thị Tổng thu

<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>
Quay lại	Khi người dùng kích vào <b>Quay lại</b> thì sẽ quay lại màn hình trang chủ	Hiện thị màn hình “Trang chủ”	Hiện ra thông báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

## 4.2. Nhân viên

### 4.2.1. Quản lý khách hàng

<b>Use Case Name</b>	<b>Quản lý Khách hàng</b>
<b>Use Case ID</b>	UC08
<b>High Level Requirement Ref</b>	Cho phép nhân viên quản lý thông tin của khách hàng tạo mới, chỉnh sửa, xóa hiển thị, danh sách khách hàng.
<b>Actor</b>	Nhân viên
<b>Description</b>	Tất cả các thông tin Khách hàng được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Nhân viên có thể tạo mới, khóa, chỉnh sửa, xóa, hiển thị danh sách khách hàng.
<b>Trigger</b>	NA
<b>Pre-condition</b>	Người dùng kích vào Quản lý Khách hàng ở menu
<b>Post-processing</b>	

#### 4.2.1.1. Hiển thị danh sách khách hàng

The screenshot shows a web browser window with the URL <http://quanlykhachsanh.com.vn/khach-hang>. The page is titled "DANH SÁCH KHÁCH HÀNG" (Customer List). It includes a search bar and a table with the following data:

Họ và tên	Địa chỉ	Ngày sinh	Giới tính	CMND		
Nguyễn Văn An	Nguyễn Văn An	Nguyễn Văn An	Nam	Nguyễn Văn An	Xem	Xóa
Nguyễn Văn An	Nam	Nam	Nam	Nam	Xem	Xóa
Nguyễn Văn An	Nam	Nam	Nam	Nam	Xem	Xóa
Nguyễn Văn An	Nam	Nam	Nam	Nam	Xem	Xóa
Nguyễn Văn An	Nam	Nam	Nam	Nam	Xem	Xóa

<b>Screen</b>	Danh sách khách hàng		
<b>Description</b>	Hiện thị danh sách khách hàng		
<b>Screen Access</b>	Người quản lý chọn <b>Quản lý khách hàng</b>		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Tim kiếm	Search Box		Ô nhập dữ liệu tìm kiếm
Họ và tên	Label - String(50)		Hiện thị tên khách hàng
Địa Chỉ	Label - String (50)		Hiện thị địa chỉ
Ngày Sinh	Label - Date		Hiện thị ngày sinh

Giới Tính	Label - String (20)		Hiển thị giới tính
CMND	Label - String(50)		Hiển thị số CMND
Xem	Button		Ô xem chi tiết khách hàng
Xoá	Button		Ô xoá khách hàng
<b>Screen Actions</b>			
Action Name	Description	Success	Failure
Tìm kiếm	Khi người dùng kích vào <b>Tìm kiếm</b> thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn tìm kiếm khách hàng theo dữ liệu người dùng nhập ở Ô tìm kiếm.	Nếu ở Ô tìm kiếm người dùng không nhập gì, Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ khách hàng ra bảng danh sách khách hàng.  Ngược lại, hiển thị kết quả tìm kiếm được ra bảng danh sách khách hàng.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”  Khi hệ thống không tìm thấy khách hàng nào thì sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy”
Xem	Khi người dùng kích vào <b>Xem</b> thì sẽ hiển thị ra danh sách chi tiết khách hàng đó	Hiển thị màn hình “Xem chi tiết khách hàng”	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”

Xóa	Khi người dùng kích vào <b>xóa</b> ở dòng nào thì sẽ hiện ra thông báo tương ứng ở khách hàng đó.	Hiện thị thông báo:”Xóa khách hàng”	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiện thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”
-----	---	-------------------------------------	--

#### 4.2.1.2. Chỉnh sửa khách hàng

The screenshot shows a web browser window with the URL <http://quanlykhachsan.com.vn/khach-hang/chinh-sua>. The page title is "CHỈNH SỬA KHÁCH HÀNG". On the left is a sidebar menu with options like "Khách sạn", "Khách hàng", "Đặt phòng", etc. The main form contains the following fields:

- Họ Tên Khách Hàng:
- Giới Tính:
- Chứng Minh Nhân Dân:
- Ngày Sinh:
- Số Điện Thoại:
- Địa Chỉ:
- Ghi Chú:

At the bottom of the form are three buttons: "Xác nhận", "Quay lại", and "Quay về trang quản lý".

<b>Screen</b>	Chỉnh sửa khách hàng		
<b>Description</b>	Cho phép Nhân viên chỉnh sửa thông tin khách hàng		
<b>Screen Access</b>	Người quản lý chọn <b>Quản lý khách hàng</b> trên menu -> click “Chỉnh sửa khách hàng”		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>

Họ tên khách hàng	Text field – String (50)		Ô nhập dữ liệu khách hàng
Giới Tính	Combo Box		Hiển thị tên khách hàng
Chứng Minh Nhân Dân	Text field – String (50)		Ô nhập dữ liệu chứng minh nhân dân
Ngày Sinh	Datetime Picker		Hiển thị ngày sinh
Số điện thoại	Text field – String (50)		Ô nhập dữ liệu số điện thoại
Địa chỉ	Text field – String (50)		Ô nhập dữ liệu Địa chỉ
Ghi chú	Text field – String (50)		Ô nhập dữ liệu Ghi chú
Xác nhận	Button		Lưu lại thông tin khách hàng
Quay lại	Button		Quay lại trang quản lý khách hàng
Quay về trang quản lý	Button		Quay về trang chủ
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>

Xác nhận	Khi người dùng kích vào <b>Xác nhận</b> thì hệ thống sẽ thực hiện lưu lại thông tin khách hàng.	Hệ thống sẽ hiển thị ra thông báo “Thêm thành công” và tiến hành lưu vào cơ sở dữ liệu	Khi có lỗi do nhập không chính xác hoặc nhập thiếu thì đưa ra thông báo “Nhập lại”
Quay lại	Khi người dùng kích vào <b>Quay lại</b> thì sẽ quay lại màn hình “Quản lý khách hàng”	Hiện thị màn hình “Quản lý khách hàng”	Hiện ra thông báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Quay về trang quản lý	Khi người dùng kích vào <b>Quay về trang quản lý</b> thì sẽ hiện ra trang chủ.	Hiện thị màn hình “Trang chủ”	Hiện ra thông báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

#### 4.2.2. Quản lý đơn đặt phòng

<b>Use Case Name</b>	<b>Quản lý đơn đặt phòng</b>
<b>Use Case ID</b>	UC09
<b>High Level Requirement Ref</b>	Cho phép nhân viên xem danh sách đơn đặt hàng, chi tiết đơn đặt hàng
<b>Actor</b>	Nhân viên
<b>Description</b>	Tất cả các thông tin Đơn đặt phòng được truy vấn

	từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Nhân viên có thể xem danh sách các đơn đặt phòng
<b>Trigger</b>	NA
<b>Pre-condition</b>	Người dùng kích vào Quản lý đơn đặt phòng ở menu
<b>Post-processing</b>	

#### 4.2.2.1. Hiển thị danh sách đơn đặt phòng

The screenshot shows a web interface for managing room bookings. The main content area displays a table titled "DANH SÁCH ĐƠN ĐẶT PHÒNG" with the following data:

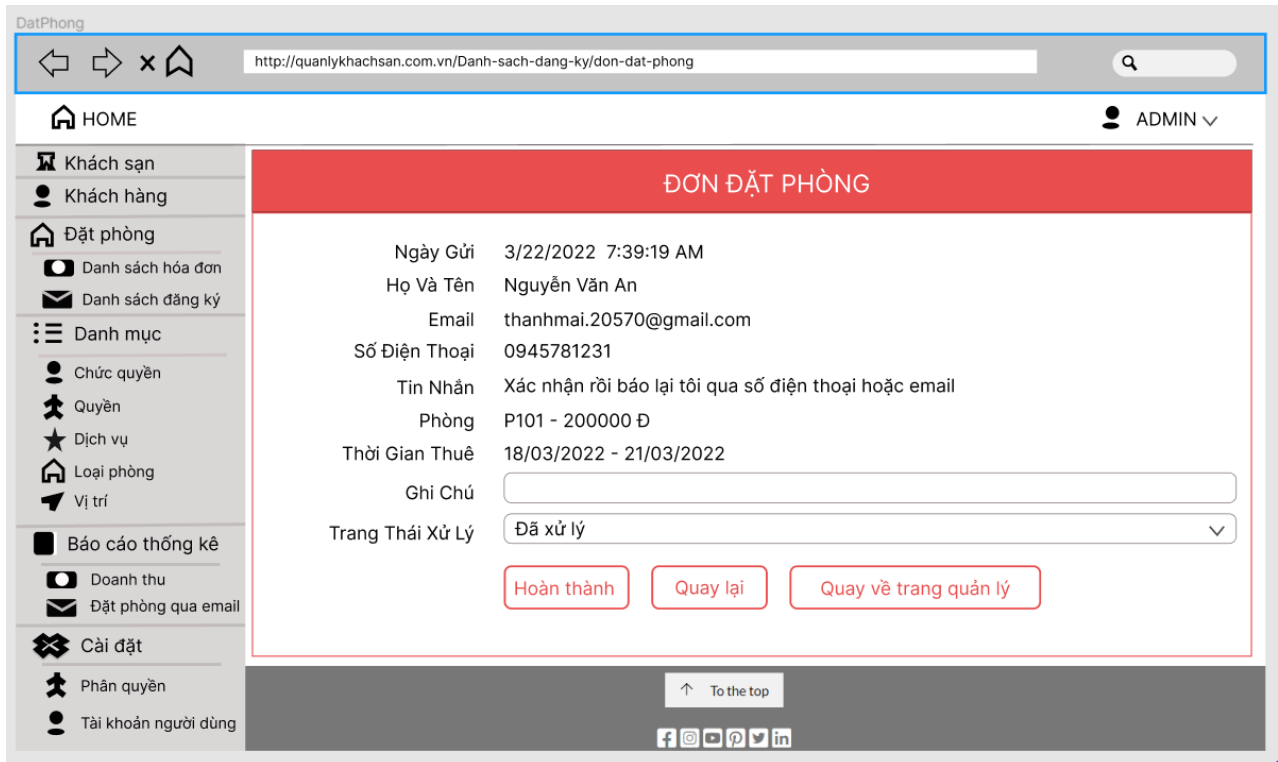
Thời gian gửi mail	Họ và tên	Số điện thoại	Thời gian thuê phòng	Tình trạng
9/4/2022	Nguyễn Văn An	0913946875	10/4/2022	Đã xác nhận <a href="#">Xem</a>
9/4/2022	Nguyễn Văn A	0913946875	10/4/2022	Chưa xác nhận <a href="#">Xem</a>
9/4/2022	Trần Văn B	0913946875	10/4/2022	Chưa xác nhận <a href="#">Xem</a>
9/4/2022	Lê Thị C	0913946875	10/4/2022	Chưa xác nhận <a href="#">Xem</a>
9/4/2022	Hoàng Thị D	0913946875	10/4/2022	Chưa xác nhận <a href="#">Xem</a>

<b>Screen</b>	Xem danh sách đơn đặt phòng
<b>Description</b>	Cho phép nhân viên xem tất cả các thông tin của đơn đặt phòng
<b>Screen Access</b>	Nhân viên kích vào Chọn “Danh sách đơn đặt phòng”

<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Thời gian gửi mail	Label - Date		Hiển thị thời gian gửi mail của khách hàng
Họ và tên	Label-String (50)		Hiển thị Họ và tên khách hàng
Số điện thoại	Label-String(20)		Hiển thị số điện thoại
Thời gian thuê phòng	Label - Date		Hiển thị thời gian bắt đầu thuê phòng
Tình trạng	Label-String (100)		Hiển thị tình trạng đã xác nhận hay chưa xác nhận đơn đặt phòng
Tim kiếm	Search Box		Ô dữ liệu tìm kiếm
Xem	Button		Kích khi muốn xem chi tiết đơn đặt phòng
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>
Tim kiếm	Khi người dùng kích vào <b>Tim kiếm</b> thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn tìm kiếm khách hàng theo dữ liệu người dùng nhập ở Ô tìm kiếm.	Nếu ở Ô tìm kiếm người dùng không nhập gì, Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ đơn đặt hàng ra bảng danh sách đơn đặt	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”  Khi hệ thống không tìm thấy

		<p>hàng</p> <p>Ngược lại, hiển thị kết quả tìm kiếm được ra bảng danh sách đơn đặt hàng.</p>	<p>đơn đặt hàng nào thì sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy”</p>
Xem	<p>Khi người dùng kích vào <b>Xem</b> thì sẽ hiển thị ra danh sách chi tiết của đơn đặt phòng đó</p>	<p>Hiển thị màn hình “Xem chi tiết đơn đặt phòng đó”</p>	<p>Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -&gt; Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.</p> <p>Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.</p>

#### 4.2.2.2. Hiện thị chi tiết đơn đặt phòng



<b>Screen</b>	Xem chi tiết thông tin đơn đặt phòng		
<b>Description</b>	Cho phép Nhân viên xem tất cả các thông tin chi tiết của đơn đặt phòng: Thời gian gửi mail, Họ và tên, Số điện thoại, Thời gian thuê phòng, Tình trạng.		
<b>Screen Access</b>	Nhân viên kích vào Chọn “Danh sách đơn đặt phòng” -> kích “Xem” ở cột thao tác.		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Ngày gửi	Label - DateTime		Hiện thị thời gian gửi mail của khách hàng
Họ và tên	Label-String (50)		Hiện thị Họ và tên khách hàng

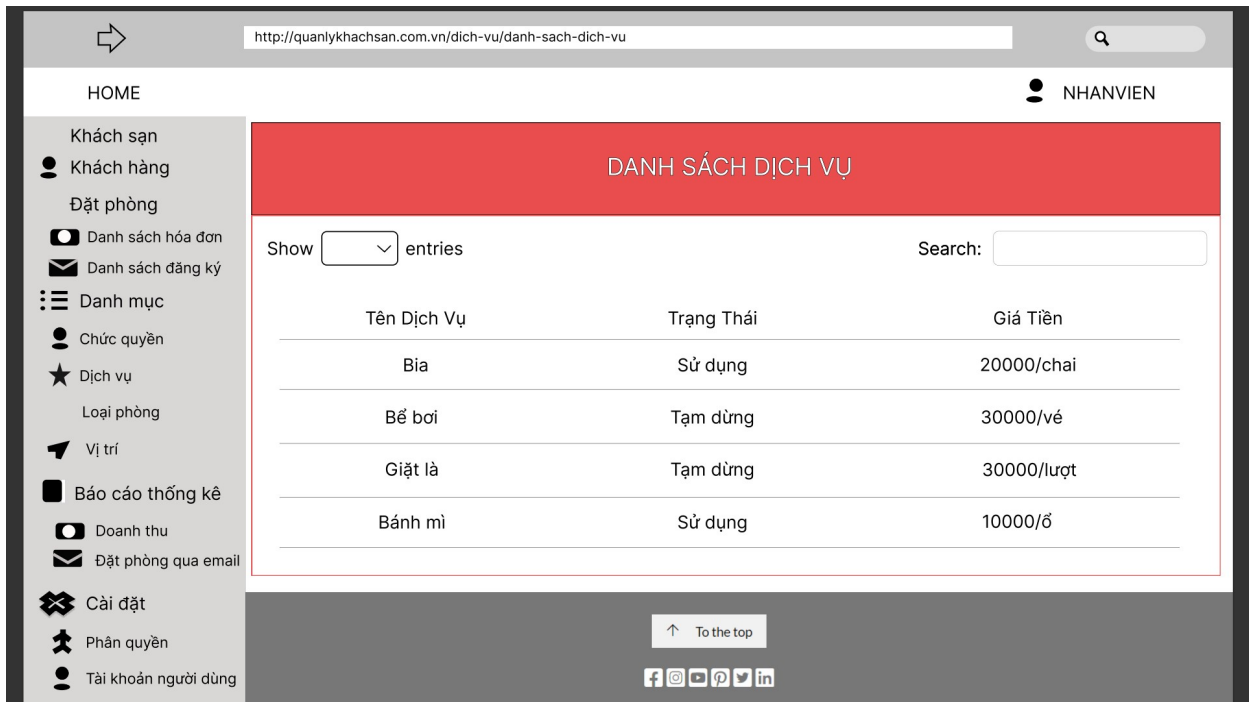
Số điện thoại	Label-String(20)		Hiển thị số điện thoại
Tin nhắn	Label-String (200)		Hiển thị dòng tin nhắn mà khách hàng muốn gửi
Phòng	Label-String(20)		Hiển thị phòng ở và Giá thuê phòng
Thời gian thuê phòng	Label - Date		Hiển thị thời gian bắt đầu thuê phòng và thời gian kết thúc thuê.
Ghi chú	Note Box		Ghi lại những lưu ý về việc đặt phòng
Tình trạng	Label-String (100)		Hiển thị tình trạng đã xác nhận hay chưa xác nhận đơn đặt phòng
Hoàn thành	Button		Ô dữ liệu tìm kiếm
Quay lại	Button		Quay lại trang danh sách đặt phòng
Quay về trang quản lý	Button		Quay về trang chủ
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>
Hoàn thành	Khi người dùng kích vào <b>Hoàn thành</b> thì hệ thống sẽ thực hiện lưu lại chi tiết đơn đặt phòng của khách	Hệ thống sẽ tiến hành lưu lại toàn bộ thông tin của khách hàng xuống cơ sở dữ liệu	Khi có lỗi do nhập không chính xác hoặc nhập thiếu thì đưa ra thông báo “Nhập lại”

	hàng.		
Quay lại	Khi người dùng kích vào <b>Quay lại</b> thì sẽ quay lại trang danh sách của đơn đặt phòng	Hiển thị màn hình “Hiển thị trang danh sách đơn đặt phòng”	Hiện ra thông báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Quay về trang quản lý	Khi người dùng kích vào <b>Quay về trang quản lý</b> thì sẽ hiện ra trang chủ.	Hiển thị màn hình “Trang chủ”	Hiện ra thông báo “Thao tác thất bại”  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

#### 4.2.3. Quản lý dịch vụ

<b>Use Case Name</b>	<b>Quản lý dịch vụ</b>
<b>Use Case ID</b>	UC05
<b>High Level Requirement Ref</b>	Cho phép nhân viên xem danh sách dịch vụ.
<b>Actor</b>	Nhân viên
<b>Description</b>	Tất cả các thông tin Dịch vụ được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Nhân viên có thể hiển thị danh sách các dịch vụ.
<b>Trigger</b>	NA
<b>Pre-condition</b>	Người dùng kích vào Quản lý dịch vụ ở menu
<b>Post-processing</b>	

### 4.2.3.1. Hiện thị danh sách dịch vụ



<b>Screen</b>	Xem chi tiết thông tin dịch vụ		
<b>Description</b>	Cho phép nhân viên xem tất cả các thông tin của dịch vụ : Tên dịch vụ, Trạng thái, Giá tiền.		
<b>Screen Access</b>	Nhân viên kích vào Chọn “Danh sách dịch vụ” -> kích “Xem” ở cột thao tác.		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Tên dịch vụ	Label-String (50)		Hiện thị tên dịch vụ
Trạng thái	Label-String (50)		Hiện thị trạng thái đang sử dụng hay tạm dừng
Giá tiền	Label-String (50)		Hiện thị giá tiền của dịch vụ
Tìm kiếm	Search Box		Ô nhập dữ liệu tìm

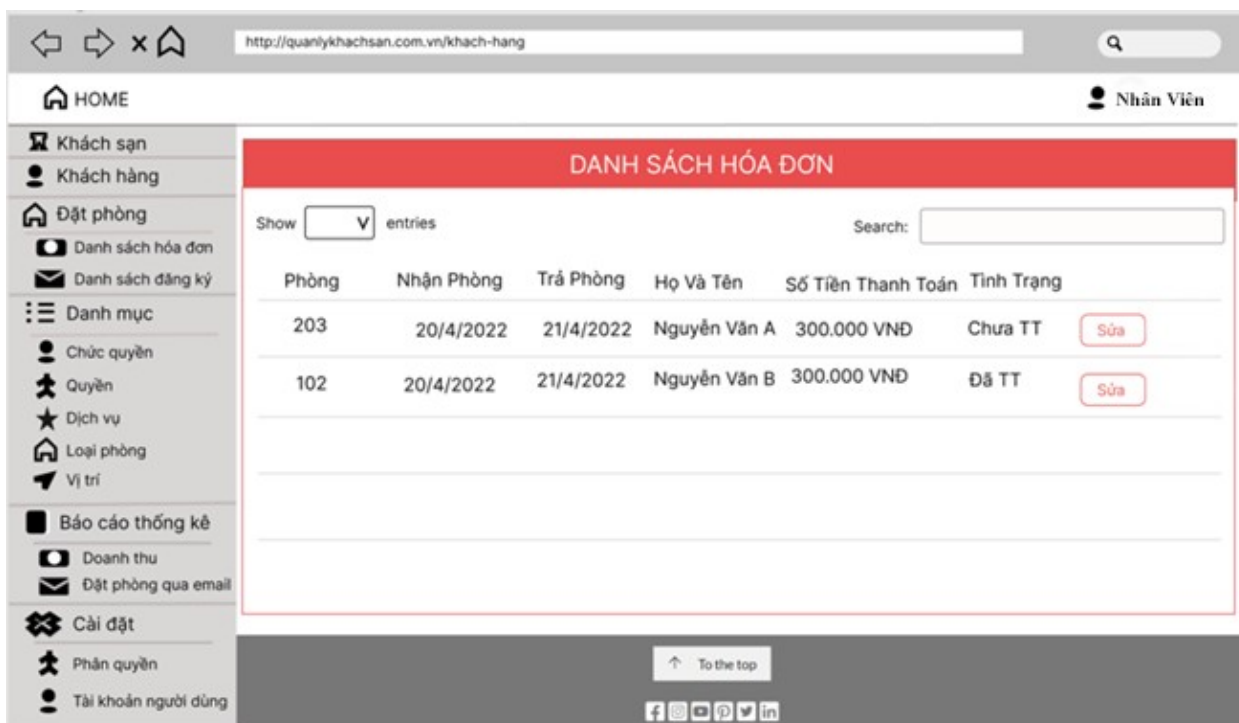
			kiếm
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>
Tìm kiếm	Khi người dùng kích vào <b>Tìm kiếm</b> thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn tìm kiếm dịch vụ theo dữ liệu người dùng nhập ở Ô tìm kiếm.	Nếu ở Ô tìm kiếm người dùng không nhập gì, Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ dịch vụ ra bảng danh sách dịch vụ.  Ngược lại, hiển thị kết quả tìm kiếm được ra bảng danh sách dịch vụ.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”  Khi hệ thống không tìm thấy dịch vụ nào thì sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy”

#### 4.2.4. Quản lý hoá đơn

<b>Use Case Name</b>	<b>Quản lý hoá đơn</b>
<b>Use Case ID</b>	UC09
<b>High Level Requirement Ref</b>	Cho phép nhân viên quản lý thông tin của hoá đơn, chỉnh sửa, hiển thị danh sách hoá đơn.
<b>Actor</b>	Nhân viên
<b>Description</b>	Tất cả các thông tin Hoá đơn được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Nhân viên

	chỉnh sửa, hiển thị danh sách các hoá đơn.
<b>Trigger</b>	NA
<b>Pre-condition</b>	Người dùng kích vào Quản lý hoá đơn ở menu
<b>Post-processing</b>	

#### 4.1.4.1. Hiển thị danh sách hoá đơn



<b>Screen</b>	Xem chi tiết thông tin hoá đơn		
<b>Description</b>	Cho phép nhân viên xem tất cả các thông tin chi tiết của hoá đơn : Phòng, Nhận phòng, Trả phòng, Họ và tên, Số tiền thanh toán, Tình trạng.		
<b>Screen Access</b>	Nhân viên kích vào Chọn “Danh sách hoá đơn” -> kích “Xem” ở cột thao tác.		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Phòng	Label-String (50)		Hiển thị phòng ở của khách hàng
Nhận phòng	Label - Date		Hiển thị ngày nhận

			phòng
Trả phòng	Label - Date		Hiển thị ngày trả phòng
Họ và tên	Label-String (50)		Hiển thị họ và tên khách hàng
Số tiền thanh toán	Label-String (100)		Hiển thị số tiền cần thanh toán của khách
Tình trạng	Label-String (50)		Hiển thị tình trạng đã thanh toán hay chưa thanh toán
Sửa	Button		Kích khi muốn sửa hoá đơn đó

### Screen Actions

Action Name	Description	Success	Failure
Tìm kiếm	Khi người dùng kích vào <b>Tìm kiếm</b> thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn tìm kiếm khách hàng theo dữ liệu người dùng nhập ở Ô tìm kiếm.	Nếu ở Ô tìm kiếm người dùng không nhập gì, Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ hoá đơn ra bảng danh sách hoá đơn  Ngược lại, hiển thị kết quả tìm kiếm được ra bảng danh sách hoá đơn.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”  Khi hệ thống không tìm thấy hoá đơn nào thì sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy”
Sửa	Khi người dùng kích vào <b>Xem</b> thì sẽ hiển thị ra danh sách chi tiết	Hiển thị màn hình “Xem chi tiết đơn	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển

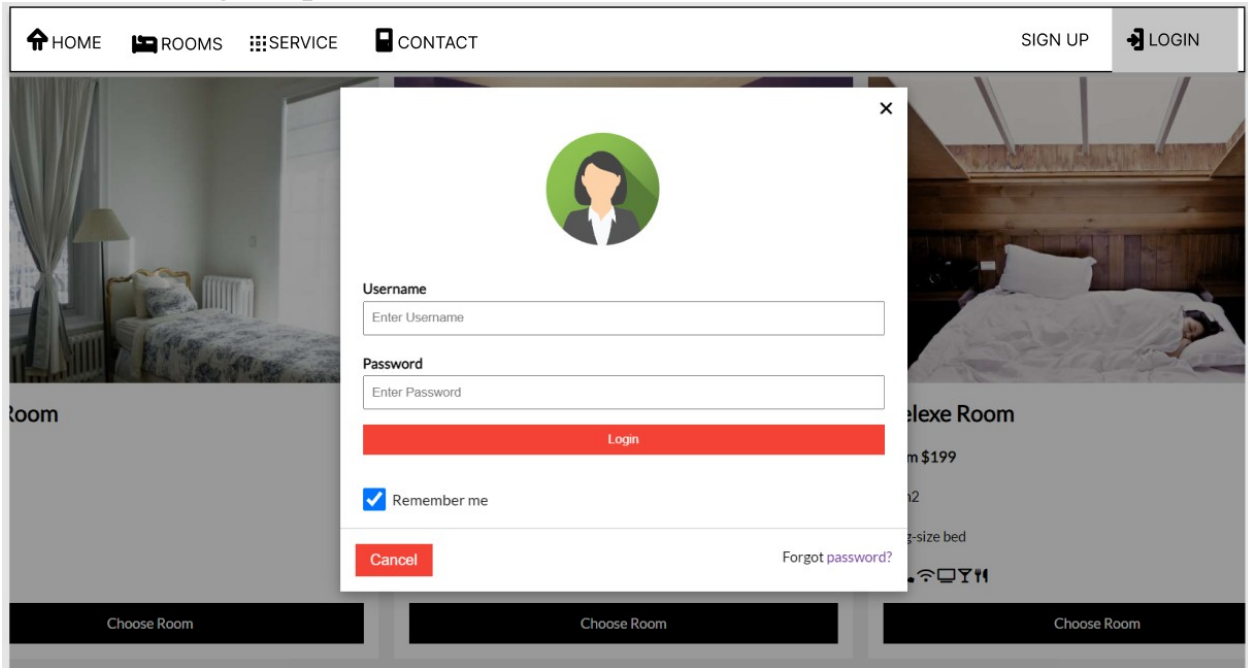
	của đơn đặt phòng đó	đặt phòng đó”	thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.  Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
--	----------------------	---------------	---

### 4.3. Khách hàng

#### 4.3.1. Quản lý tài khoản

<b>Use Case Name</b>	<b>Quản lý tài khoản</b>
<b>Use Case ID</b>	UC10
<b>High Level Requirement Ref</b>	Cho phép người dùng đăng ký, đăng nhập, chỉnh sửa, tìm kiếm, xem chi tiết thông tin cá nhân của mình cũng như người dùng khác
<b>Actor</b>	User
<b>Description</b>	Cho phép người dùng đăng ký, đăng nhập, chỉnh sửa, tìm kiếm, xem chi tiết thông tin cá nhân của mình cũng như người dùng khác
<b>Trigger</b>	NA
<b>Pre-condition</b>	User kích vào menu <b>Tài khoản</b>
<b>Post-processing</b>	

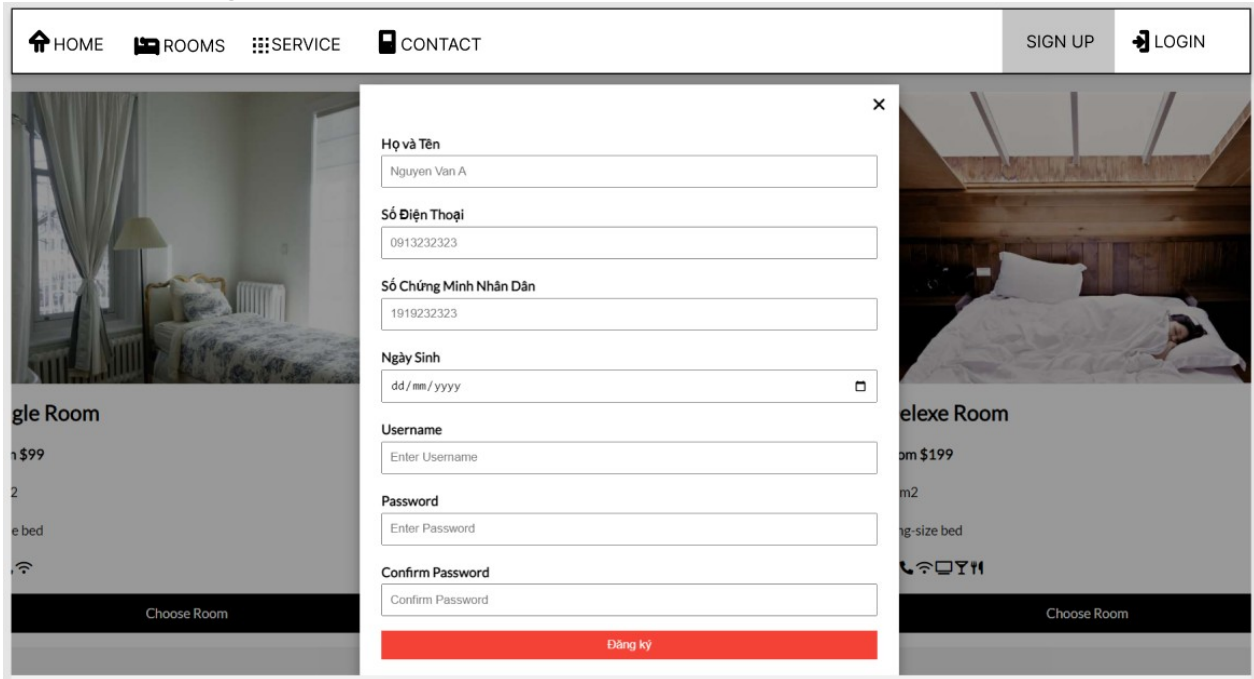
### 4.3.1.1 Đăng nhập



<b>Screen</b>	Đăng nhập tài khoản		
<b>Description</b>	Cho phép khách hàng đăng nhập vào hệ thống		
<b>Screen Access</b>	Khách hàng chọn <b>Đăng nhập</b> ở màn hình <b>Trang chủ</b>		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Username	Textbox – String(50)		Trường dành cho khách hàng nhập tài khoản
Password	Password String(100)	–	Trường dành cho khách hàng nhập mật khẩu
Login	Button		Đăng

			nhập vào hệ thống
Cancel	Button		Hủy đăng nhập và quay về trang chủ.
<b>Screen Actions</b>			
Action Name	Description	Success	Failure
Login	<p>Khi khách hàng kích nút đăng nhập, hệ thống sẽ kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu, nếu dữ liệu không hợp lệ sẽ hiển thị thông báo “Dữ liệu không hợp lệ”, nếu dữ liệu hợp lệ thì tiếp tục kiểm tra Tài khoản với mật khẩu tương ứng có tồn tại trong hệ thống hay không, nếu có thì cho khách hàng đăng nhập vào hệ thống, nếu không thì hiển thị thông báo “Tài khoản hoặc mật khẩu không đúng”.</p> <p>Khi không nhập tài khoản hoặc mật khẩu thì hiển thị thông báo “Trường này là bắt buộc”.</p>	Vào màn hình chính của trang	<p>Hiện thông báo : “Dữ liệu không hợp lệ”</p> <p>Hiện thông báo: “Tài khoản hoặc mật khẩu không đúng” hoặc “Trường này là bắt buộc”.</p>
Cancel	Đóng màn hình đăng nhập và quay trở về trang chủ	Trở về màn hình trang chủ	

### 4.3.1.2. Đăng kí

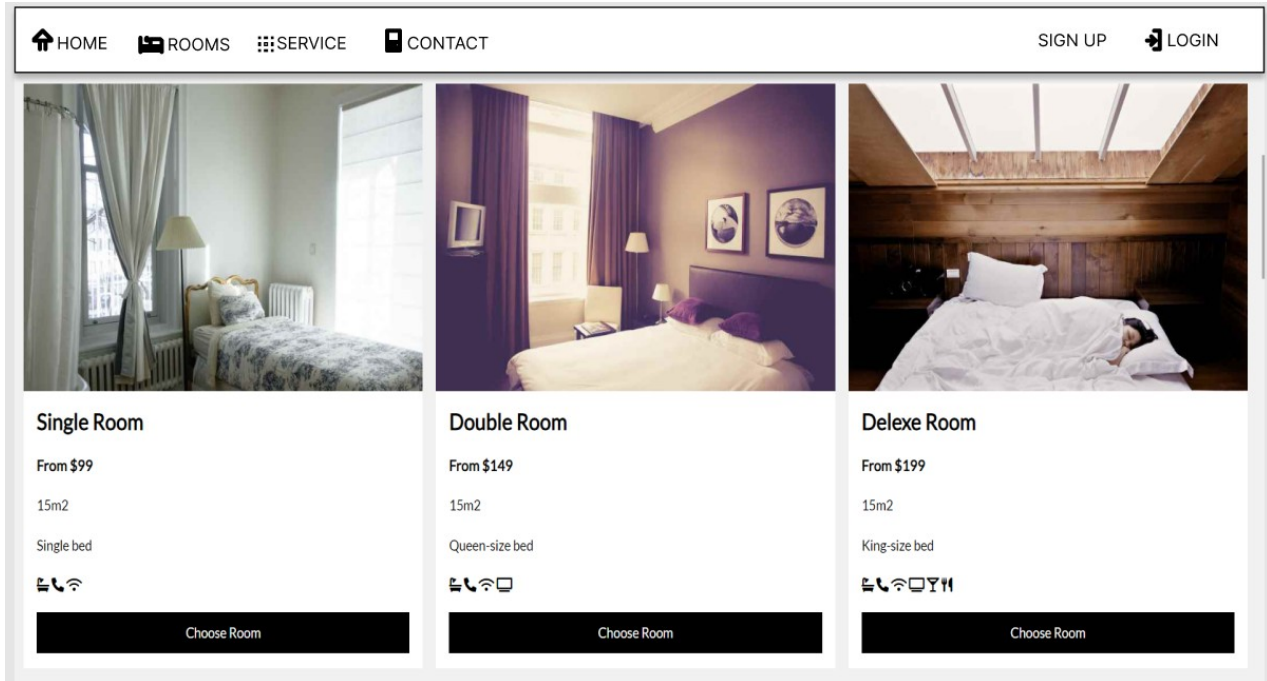


<b>Screen</b>	Đăng ký		
<b>Description</b>	Cho phép người đăng ký tài khoản		
<b>Screen Access</b>	Người dùng chọn <b>Đăng ký</b> ở trang chủ		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Username	Textbox – String(50)		Ô điền tên tài khoản người dùng
Password	Password – String(100)		Ô điền mật khẩu để đăng nhập vào hệ thống
Confirm Pasword	Password – String(100)		Ô điền lại mật khẩu để xác nhận một lần nữa trước khi đăng ký

Số điện thoại	Textfield – String (20)		Ô nhập Số điện thoại của Khách hàng
Họ và tên	Textfield -String (100)		Ô nhập Họ và tên
Ngày sinh	Textfield -Datetime		Chọn ngày tháng năm sinh của Khách hàng
Đăng ký	Button		Thực hiện việc đổi đăng ký tài khoản đăng nhập vào hệ thống
Số CMND	Textfield -String (100)		Ô nhập số CMND
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>
Đăng ký	Khi người dùng kích nút đăng ký, hệ thống sẽ kiểm tra tài khoản đã có người dùng chưa và nếu có hiển thị “Tài khoản đã có người dùng”. Trường hợp mật khẩu mới và xác nhận mật khẩu không trùng nhau thì hiển thị thông báo “Mật khẩu xác nhận chưa chính xác”. Nếu những trường có dấu sao đỏ bị bỏ trống thì sẽ hiển thị ”Không được bỏ trống”.	Hiển thị thông báo “Đăng kí thành công”	Hiển thị thông báo : “Tài khoản đã có người dùng”  Hiển thị thông báo: “Mật khẩu xác nhận chưa chính xác”  Hiển thị thông báo: “Không được bỏ trống”

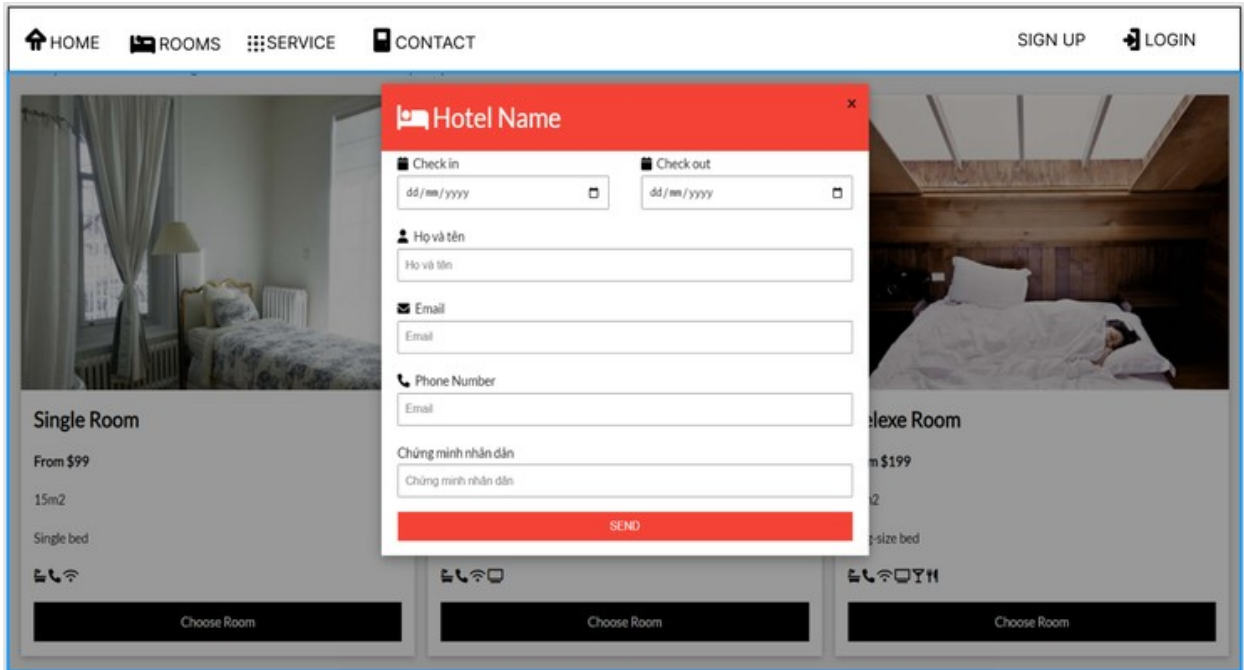
--	--	--	--

### 4.3.1.3. Đặt Phòng



<b>Screen</b>	Danh sách phòng khách sạn		
<b>Description</b>	Hiển thị danh sách phòng khách sạn		
<b>Screen Access</b>	Người user chọn <b>Đặt phòng</b> .		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Choice Room	Button		Chọn loại phòng thích hợp
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>
Choice	Khi người dùng kích		

Room	vào <b>Choice Room</b> thì hệ thống sẽ hiển thị ra giao diện nhập thông tin thuê phòng		
------	--	--	--



<b>Screen</b>	Nhập thông tin thuê phòng		
<b>Description</b>	Hiển thị danh sách phòng khách sạn		
<b>Screen Access</b>	Người user chọn <b>Choice Room</b> .		
<b>Screen Content</b>			
<b>Item</b>	<b>Type</b>	<b>Data</b>	<b>Description</b>
Send	Button		Lưu thông tin thuê vào hệ thống
<b>Screen Actions</b>			
<b>Action Name</b>	<b>Description</b>	<b>Success</b>	<b>Failure</b>

Send	Khi người dùng kích vào <b>Send</b> thì hệ thống sẽ lưu thông tin vào hệ thống.	Lưu thông tin vào hệ thống.	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu thông tin nhập sai định dạng.
------	---	-----------------------------	---